

Kinh tế vĩ mô quý I năm 2021: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Tăng trưởng GDP toàn cầu trong quý I/2021 được Fitch Rating dự báo tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,2% so với quý trước. Trong đó: Kinh tế Mỹ phục hồi trên diện rộng; Khu vực Châu Âu có thêm các diễn biến tích cực; Kinh tế Nhật Bản được cải thiện nhẹ; Kinh tế Trung Quốc đã tích cực hơn trong tháng 3;
- Giá cả hàng hóa thế giới đã tăng so với cuối năm 2020, cụ thể: chỉ số giá của nhóm hàng năng lượng tăng mạnh nhất với mức tăng lớn hơn 27%, tiếp đến là nhóm hàng phi năng lượng tăng hơn 8%;
- Chỉ số lãi suất toàn cầu (GMPR) do Central Bank News thống kê đã tăng 0,7 điểm phần trăm so với cuối năm trước, ở mức 4,89%;
- Đồng USD tăng so với cùng kỳ năm trước; Đồng EUR và đồng GBP diễn biến trái chiều; Đồng JPY giảm mạnh so với đồng USD; Đồng CNY giảm thấp hơn so với cùng kỳ năm trước;
- Giá vàng giảm liên tục, giảm xấp xỉ 10% đối với giá vàng giao ngay và kỳ hạn;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu có diễn biến tích cực, chỉ số chứng khoán toàn cầu - MSCI ACWI ở mức 673.29 điểm, tăng 4,18% so với cuối năm trước.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Kinh tế tiếp tục diễn biến tốt, tốc độ tăng trưởng của các khu vực đã cao hơn so với cùng kỳ, GDP quý I/2021 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước;
- Các điều kiện kinh doanh được cải thiện tốt nhất trong tháng 3, chỉ số PMI đạt 53,6 điểm;
- Vốn đầu tư toàn xã hội ước tính đạt 507,6 nghìn tỷ đồng; Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN ước tính đạt 68,1 nghìn tỷ đồng; Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng so với cùng kỳ, ước tính đạt gần 10,13 tỷ USD;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I ước tính đạt 1.291,1 nghìn tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước;
- Trong quý I, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 77,34 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 75,31 tỷ USD, tăng 26,3%; Cán cân thương mại xuất siêu 2,03 tỷ USD trong quý I;
- CPI bình quân quý I tăng 0,29% - mức thấp nhất trong 20 năm qua;
- Lãi suất huy động tiếp tục giảm, tập trung ở khối NHTM CP; Lãi suất liên ngân hàng tăng ở kỳ hạn ngắn;
- Tỷ giá trung tâm diễn biến phù hợp; Tỷ giá giao dịch trên thị trường đã có diễn biến trái chiều;
- Giá vàng đã giảm nhưng thấp hơn rất nhiều so với mức giảm của giá vàng quốc tế;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục tăng điểm, chỉ số VN-Index đạt 1.191,44 điểm.

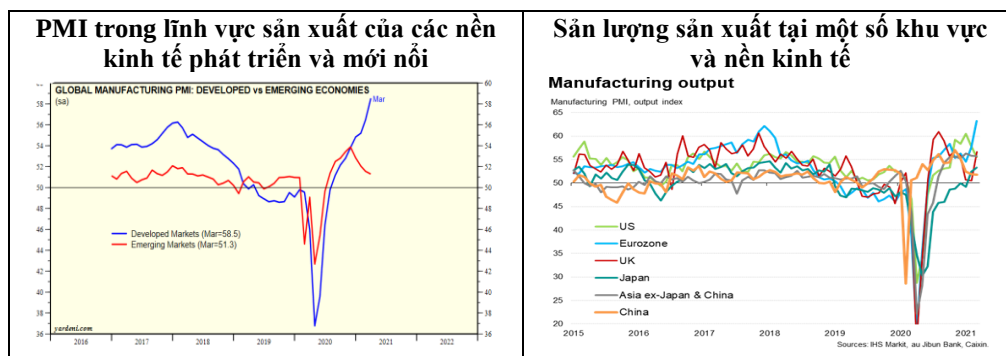
KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới trong quý I/2021 đã có diễn biến tích cực hơn so với các dự báo đưa ra vào cuối năm ngoái, các tín hiệu phục hồi đã xuất hiện tại các nền kinh tế lớn qua từng tháng, trong đó nổi bật là các diễn biến kinh tế của Mỹ, Đức, Anh,... Việc điều chế vaccine có kết quả tốt tại nhiều nước cùng với các chương trình tiêm rộng rãi cho người dân để kiểm soát dịch bệnh và chương trình hỗ trợ kinh tế của Chính phủ được triển khai mạnh mẽ đã tạo động lực cho kinh tế toàn cầu hồi phục. Theo dự báo của Fitch Rating, tăng trưởng GDP toàn cầu trong quý I/2021 tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,2% so với quý trước.

Khu vực sản xuất và dịch vụ trên toàn cầu đã có tín hiệu cải thiện

Diễn biến của khu vực sản xuất và dịch vụ của nhiều nước trên thế giới đã nhanh chóng thoát khỏi trạng thái thu hẹp kéo dài, bước đầu có những cải thiện nhẹ trong quý I/2021, trong đó sự tăng tốc thể hiện mạnh mẽ trong tháng 3. Theo đó, chỉ số PMI toàn cầu trong cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ đều có diễn biến mở rộng. Đáng chú ý là diễn biến tích cực đó đã diễn ra trên diện rộng nhờ có sự tăng tốc của sản lượng và đơn đặt hàng mới. Sản lượng hàng hóa sản xuất tăng tốc được ghi nhận ở nhiều nước lớn, bên cạnh sự phục hồi mạnh mẽ tại Mỹ là sức bật của Đức và của Anh. Tại khu vực Châu Á, sản lượng cũng đã có được mức tăng mạnh nhất trong 27 tháng qua, trong khi đó diễn biến tích cực tiếp tục xuất hiện tại Hàn Quốc, Indonexia, Đài Loan và Việt Nam đã đóng góp tích cực vào xu hướng tăng mạnh của sản lượng. Ngoài ra, dòng chảy thương mại toàn cầu cũng gia tăng mạnh, lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới được cải thiện liên tục, đáng chú ý là tại Châu Âu và Châu Á.



Kinh tế Mỹ phục hồi trên diện rộng

Trong 3 tháng đầu năm, kinh tế Mỹ đã ghi nhận những diễn biến phục hồi tích cực trong các lĩnh vực kinh tế chủ chốt. Diễn biến của cả khu vực sản xuất và dịch vụ đều giữ được đà tăng tốt kể từ quý IV/2020. Theo đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đã tăng liên tục trong 3 tháng, đạt mức tăng cao nhất là 59,1 điểm trong tháng 3. Tiếp đến chỉ số PMI trong lĩnh vực dịch vụ sau khi chững lại ở mức 59,8 điểm trong tháng 2 từ mức 58,3 điểm trong tháng đầu năm cũng đã kịp bắt nhịp với tốc độ cải thiện mạnh trong lĩnh vực sản xuất, đạt 60,4 điểm trong tháng 3. Nhu cầu trong nền kinh tế tăng mạnh trước những chính sách tiêm chủng và hỗ trợ kinh tế của Chính phủ cùng với số lượng đơn hàng mới gia tăng, trong đó đáng chú ý là các đơn hàng xuất khẩu đã tạo đà cho các khu vực kinh tế tăng tốc.

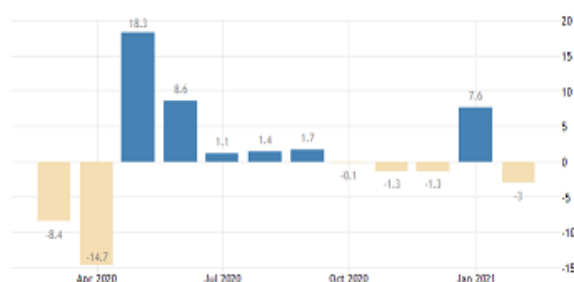
Bên cạnh đó, hoạt động tiêu dùng trong nền kinh tế cũng diễn biến mạnh mẽ, doanh số bán lẻ của Mỹ hiện đã có được tốc độ tăng trưởng dương sau quý tăng trưởng âm, tuy nhiên diễn biến này chưa được ổn định. Mặc dù vậy, tiến độ tiêm chủng vaccine nhanh hơn kỳ vọng và tiến độ giải ngân gói hỗ trợ kinh tế đã có tác động lên chỉ số niềm tin của người tiêu dùng, chỉ số này hiện đạt mức cao nhất kể từ tháng 4/2020, ở mức 84,9.

Tỷ lệ thất nghiệp cũng có diễn biến ổn định trong quý I/2021, hiện ở mức 6% - giảm 0,7 điểm phần trăm so với cuối năm 2020. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát đã tăng lên mức 2,6% vào tháng 3/2021 và cũng là mức tăng cao nhất kể từ tháng 8/2018.

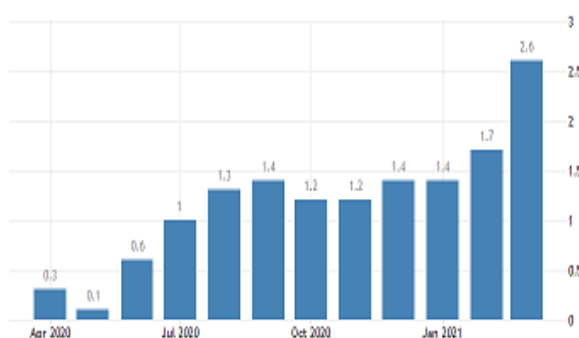
Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



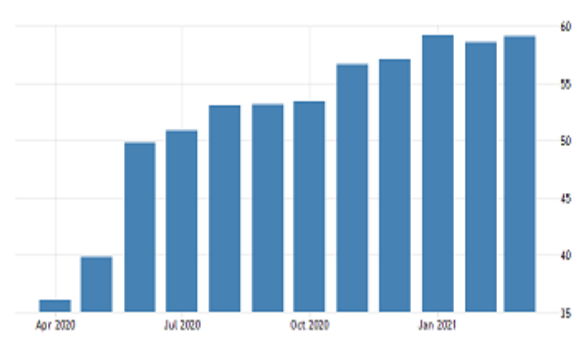
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% mom)



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Chỉ số PMI sản xuất của Mỹ



Nguồn: Trading economics

Khu vực Châu Âu có thêm các diễn biến tích cực

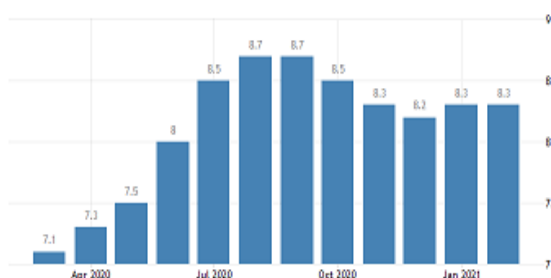
Kinh tế khu vực Châu Âu trong quý I/2021 đã có thêm những diễn biến mới qua các tháng mặc dù tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh. Diễn biến của các chỉ số kinh tế từng bước được cải thiện, trong đó nổi bật nhất là lĩnh vực sản xuất. Chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất liên tục tăng, đạt mức 62,5 điểm vào tháng 3 khi nhu cầu trên toàn cầu tăng tốc, trong đó mức độ mở rộng diễn ra trong tất cả các nước thành viên, ghi nhận tốc độ mạnh mẽ nhất tại Đức và Pháp.

Trong khi đó, các tín hiệu cải thiện của khu vực dịch vụ và nhu cầu trong nước cũng đã xuất hiện. Cụ thể chỉ số PMI trong lĩnh vực dịch vụ mặc dù vẫn ở dưới ngưỡng mở rộng trong 7 tháng liên tiếp nhưng đã tăng dần, đạt 49,6 điểm vào tháng 3, tăng khoảng 3,9 điểm so với đầu năm. Bên cạnh đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa hiện ở mức 3%, tăng 1% so với cuối năm trước. Đồng thời, chỉ số niềm tin người tiêu dùng đã tăng khoảng 4,7 điểm trong vòng 3 tháng, hiện ở mức -10,8%.

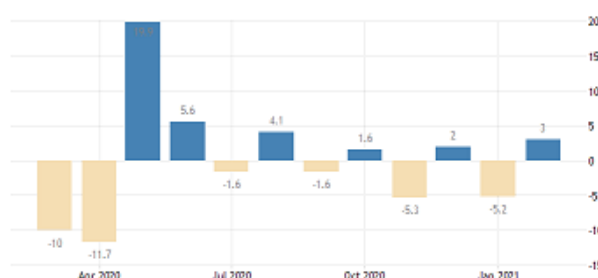
Lạm phát cũng gia tăng trở lại sau tình trạng giảm phát kéo dài, tăng và giữ ổn định trong 2 tháng đầu năm ở mức 0,9% và tăng lên 1,3% vào tháng 3,

phù hợp với kỳ vọng của thị trường, chủ yếu do giá của các mặt hàng năng lượng tăng mạnh. Tỷ lệ thất nghiệp hiện ở mức 8,3%, tăng 1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

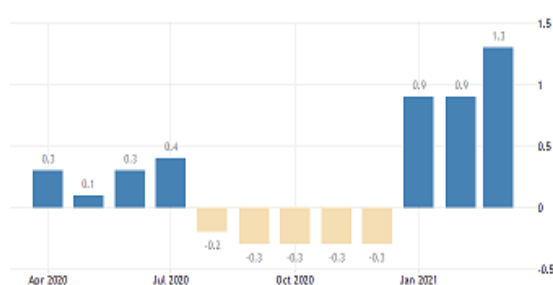
Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



Doanh số bán lẻ hàng hóa (% mom)



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Chỉ số PMI sản xuất



Nguồn: Trading economicsmics

Kinh tế Nhật Bản được cải thiện nhẹ

Trong những tháng đầu năm, mặc dù phải đối mặt với áp lực của dịch bệnh lan rộng song nhiều diễn biến kinh tế tại Nhật Bản đã được cải thiện nhẹ. Cụ thể, lĩnh vực sản xuất đã duy trì được xu hướng mở rộng trong 2 tháng liên tiếp sau hơn một năm thu hẹp, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất tăng qua các tháng, tăng mạnh nhất vào tháng 3 ở mức 52,7 điểm từ mức 51,4 điểm trong tháng trước. Tiếp đến, khu vực dịch vụ mặc dù vẫn ở trạng thái thu hẹp nhưng diễn biến của chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã có cải thiện, hiện ở mức 48,3 điểm.

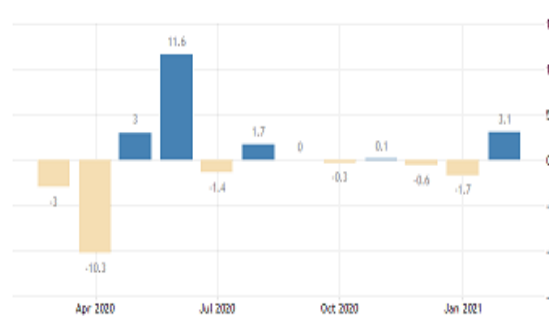
Bên cạnh đó, khu vực tiêu dùng có diễn biến tốt, tăng trưởng doanh thu bán lẻ theo tháng đã tăng 3,1% - mức tăng trưởng cao nhất kể từ tháng 8/2020. Đồng thời, chỉ số niềm tin người tiêu dùng đã tăng lên mức 36.1 điểm – là mức cao nhất kể từ tháng 2 năm ngoái. Ngoài ra, chỉ số giá tiêu dùng – CPI tiếp tục có mức tăng trưởng âm kéo dài, đạt -0,4% so với cùng kỳ.

Tỷ lệ thất nghiệp đã giảm xuống 2,9% vào tháng 2/2021, thấp hơn 0,1 điểm phần trăm so với cuối năm ngoái.

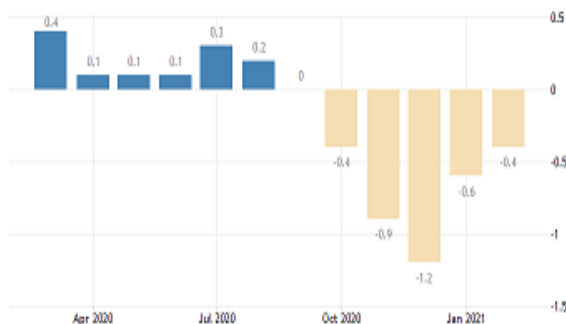
Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



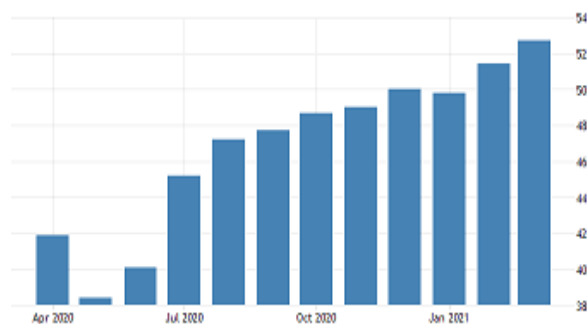
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% mom)



Diễn biến lạm phát (%yoy)



Chỉ số PMI sản xuất



Nguồn: Trading economics

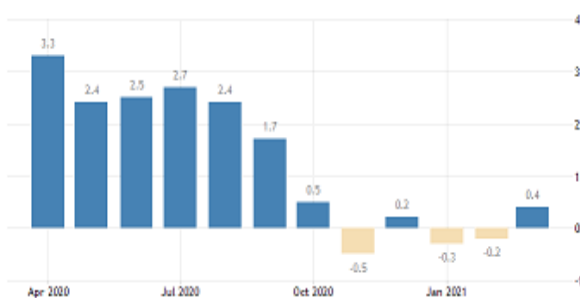
Kinh tế Trung Quốc đã tích cực hơn trong tháng 3

Trong quý I/2021, so với đà phục hồi của các nước thì kinh tế Trung Quốc có phần chậm hơn, cụ thể việc cải thiện các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất đã yếu đi, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đạt 50,6 điểm. Bên cạnh đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực phi sản xuất, sau khi có diễn biến thấp hơn so với cuối năm 2020 trong 2 tháng đầu năm đã tăng mạnh ở mức 56,3 điểm trong tháng cuối quý. Sau ảnh hưởng của dịch bệnh cũng như kỳ nghỉ lễ kéo dài, các hoạt động kinh tế của Trung Quốc đã bắt nhịp trở lại vào tháng 3 khi nhu cầu hàng hóa trong và ngoài nước gia tăng.

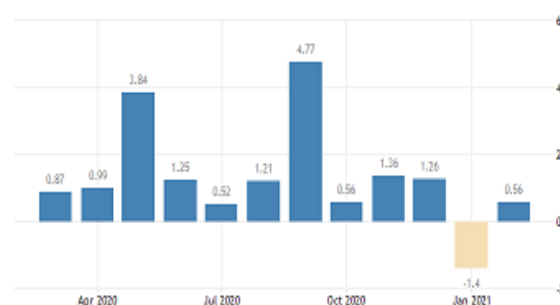
Bên cạnh đó, chỉ số giá tiêu dùng giảm liên tiếp trong 2 tháng đầu năm và tăng trở lại trong tháng 3/2021, CPI đã tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước – là mức tăng cao nhất kể từ tháng 10/2020.

Trong 3 tháng đầu năm, thặng dư thương mại của Trung Quốc đã tăng mạnh đạt 117,1 tỷ USD so với mức 12,8 tỷ USD của cùng kỳ năm ngoái khi hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu tăng trưởng liên tục qua các tháng so với cùng kỳ, cụ thể hoạt động xuất khẩu đã tăng gần 49%, hoạt động nhập khẩu tăng hơn 27%.

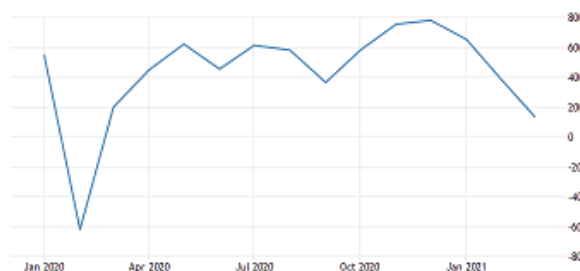
Diễn biến lạm phát (% yoy)



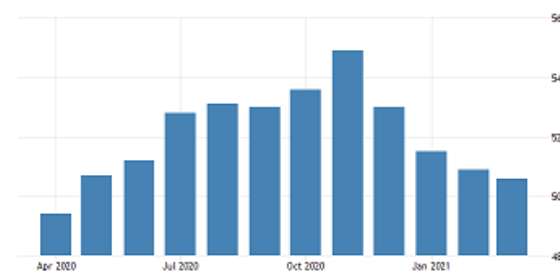
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% mom)



Cán cân thương mại qua các tháng (% yoy)



Chỉ số PMI sản xuất



Nguồn: Trading Economics

Giá cả hàng Giá cả hàng hóa thế giới đã có diễn biến trái chiều trong 3 tháng đầu năm

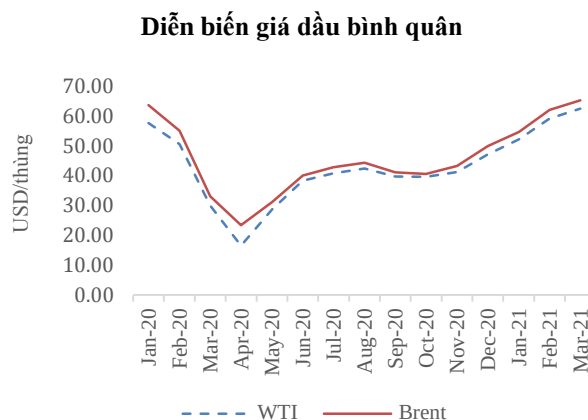
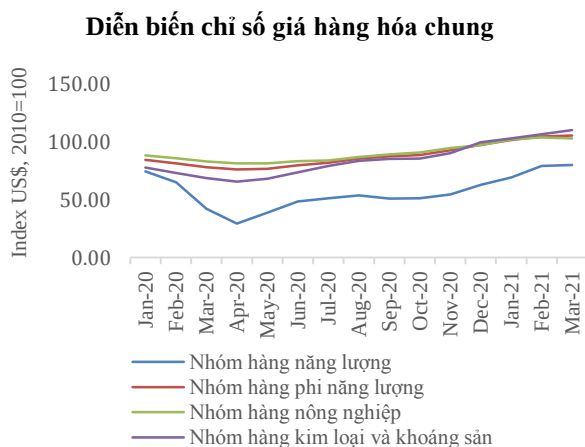
hóa thế giới đã tăng so với cuối năm 2020

so với cùng kỳ năm ngoái, chỉ số giá cả của nhiều nhóm hàng hóa đã tăng trở lại. Trong đó, chỉ số giá của nhóm hàng năng lượng tăng mạnh nhất, lớn hơn 27% so với cuối năm 2020; tiếp đến là nhóm hàng phi năng lượng với mức tăng lớn hơn 8% và duy nhất chỉ số giá cả nhóm hàng kim loại quý đã giảm nhẹ ở mức 0,05%. Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu đã tăng mạnh trong quý I là do hoạt động sản xuất nhiều quốc gia trên thế giới đã được khởi động trở lại, nhu cầu về hàng hóa tăng nhanh trong khi nhiều chuỗi cung ứng vẫn còn gián đoạn.

Trong nhóm hàng năng lượng, giá dầu thô đã tăng trong 2 tháng, tăng mạnh nhất vào tháng 2 và có xu hướng giảm trong tháng 3. Giá dầu thô bình quân đã tăng khoảng 31%, trong đó giá dầu Brent và WTI bình quân tăng lần lượt là 30,7% và 32,5% so với mức giá bình quân của tháng 12 năm ngoái. Trong quý I, xu hướng tăng của giá dầu được hỗ trợ bởi triển vọng nhu cầu thế giới sẽ hồi phục mạnh mẽ trước những tín hiệu lạc quan của việc sản xuất và tiêm chủng vaccine trong khi đó nguồn cung về dầu nhiều khả năng sẽ tiếp tục bị cắt giảm. Kết thúc tháng 3, giá dầu Brent và WTI bình quân giao dịch lần lượt là 65,19 \$/thùng và 62,35 \$/thùng.

Trong nhóm hàng phi năng lượng, chỉ số giá cả của nhóm hàng nông nghiệp có mức tăng thấp nhất, khoảng hơn 6% với diễn biến tăng ở tất cả các nhóm hàng thực phẩm, đồ uống, nguyên liệu thô. Tiếp đến là chỉ số giá của nhóm hàng kim loại và khoáng với mức tăng từ 10 – 12%. Cuối cùng mức tăng cao nhất thuộc về nhóm hàng phân bón với chỉ số giá tăng lớn hơn 32%.

Trong quý I, duy nhất có chỉ số giá cả của nhóm hàng kim loại quý giảm hơn 5% so với cuối năm ngoái. Tuy nhiên, diễn biến giảm này chủ yếu bị ảnh hưởng bởi xu hướng giảm của giá vàng trên thị trường quốc tế trong tháng 2 và tháng 3 trong khi giá bình quân của platinum và bạc vẫn tăng hơn 14% và 2,7% so với tháng 12/2020.



Nguồn: worldbank.org

2. Điều hành chính sách của NHTW các quốc gia

Lãi suất toàn cầu đã tăng

Trong quý I/2021, chỉ số lãi suất toàn cầu do Central Bank News thống kê đã tăng khoảng 0,7 điểm phần trăm so với cuối năm 2020, ở mức 4,89%. Chỉ số lãi suất đã tăng liên tục kể từ tháng 1 và hiện có khoảng 12 NHTW đã điều chỉnh tăng lãi suất. Nguyên nhân dẫn đến quyết định tăng lãi suất

điều hành ở các nước chủ yếu là do áp lực lạm phát gia tăng khi kinh tế phục hồi, lãi suất điều hành được điều chỉnh tăng trong khoảng từ 25 – 300 điểm cơ bản, trong đó tăng mạnh nhất là Mozambique và Thổ Nhĩ Kỳ. Mặc dù vậy, diễn biến điều chỉnh giảm vẫn xuất hiện tại 03 NHTW là Mexico, Indonesia, Romania.

Trong quý I, về cơ bản trạng thái điều hành CSTT của NHTW các nước lớn không thay đổi, cụ thể:

- Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) dự kiến duy trì mức lãi suất cho vay ở mức gần 0% đến năm 2023, đồng thời cam kết duy trì chương trình mua trái phiếu ít nhất là 120 tỷ USD/tháng cho đến khi việc làm và lạm phát đạt được mục tiêu.

- NHTW Châu Âu – ECB tiếp tục giữ nguyên các lãi suất chủ chốt ở mức thấp, cụ thể, ECB quyết định duy trì lãi suất đối với hoạt động tái cấp vốn là 0%, lãi suất cho vay ở mức 0,25% và lãi suất tiền gửi là -0,5%. ECB đã tăng quy mô chương trình mua trái phiếu Chính phủ khẩn cấp lên 1.850 tỷ EUR vào tháng 12/2020 và sẽ kéo dài cho tới tháng 3/2022. Đồng thời, trong tháng 3/2021, ECB cũng dự kiến là sẽ tăng tốc chương trình này so với những tháng đầu năm trong quý tới dựa trên việc đánh giá các điều kiện tài chính và triển vọng lạm phát.

- NHTW Nhật Bản: BOJ tiếp tục duy trì lãi suất ngắn hạn ở mức - 0,1%, lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm ở mức 0%. Theo công bố của BOJ vào tháng 3, việc tiếp tục duy trì các điều kiện tài chính thích ứng là cần thiết, điều quan trọng trong thời gian tới là phải đảm bảo được sự ổn định hơn nữa của khuôn khổ chính sách tiền tệ hiện đang theo đuổi, tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ cắt giảm lãi suất ngắn hạn và dài hạn; kiểm soát đường cong lợi tức trái phiếu ở mức thấp ổn định. Đồng thời, BOJ cũng công bố một số điều chỉnh mới đối với CSTT, cụ thể BOJ sẽ xem xét nới lỏng biên độ lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm lên 0 – 0,25% so với biên độ trước đó là 0 – 0,2%. Động thái này được xem là bước khởi đầu cho những điều chỉnh chính sách mạnh hơn.

- Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt, chính xác, hợp lý và vừa phải. PBoC sử dụng đồng bộ các công cụ CSTT như hạ lãi suất cho vay kỳ hạn 01 năm – hiện ở mức 2,95%, hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc, OMO,... để hỗ trợ các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mặc dù vậy, PBoC cũng dự kiến sẽ đưa tăng trưởng tín dụng về mức phù hợp với mục tiêu tăng trưởng kinh tế của năm 2021.

3. Diễn biến thị trường ngoại hối, vàng, chứng khoán

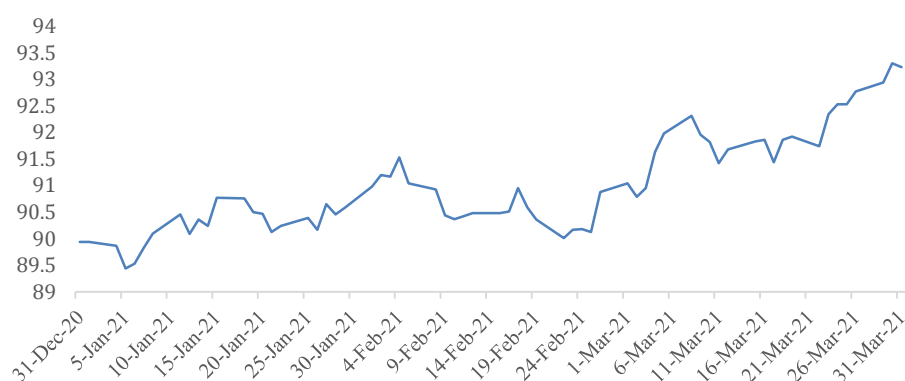
Đồng tăng so với cùng kỳ *USD với*

Trong quý I/2021, chỉ số USD index giao ngay và kỳ hạn tăng khoảng 3,66% và 3,72% - cao hơn mức tăng cùng kỳ năm ngoái gần 1%. Đồng USD đã duy trì được đà tăng trong suốt 3 tháng, tăng mạnh nhất trong tháng 3, lớn hơn 2,5%, ghi nhận mức giá giao dịch cao nhất là 93.44 và mức giá giao dịch thấp nhất là 89.21.

Đà tăng liên tục của đồng USD trong quý I được hỗ trợ mạnh mẽ bởi tốc độ

phục hồi đầy triển vọng của nền kinh tế khi dịch bệnh nhanh chóng được kiểm soát và các gói giải cứu kinh tế khổng lồ, trước mắt đó là việc Quốc hội thông qua kế hoạch giải cứu trị giá 1.900 tỷ USD để hỗ trợ cho các doanh nghiệp và người lao động. Tiếp đến là việc Tổng thống Joe Biden đề xuất một gói đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng nhằm giúp tạo thêm việc làm cũng như chống lại biến đổi khí hậu của nước Mỹ. Thực tế đó đã củng cố thêm niềm tin của giới đầu tư về triển vọng phục hồi của nền kinh tế lớn nhất thế giới trong năm 2021. Trong tháng 3, chỉ số USD index giao ngay có diễn biến tăng là chủ yếu, biến động trong khoảng 0,03 - 0,75%. Kết thúc tháng 3, chỉ số USD index giao ngay và kỳ hạn giao dịch lần lượt ở mức 93.23 và 93.236.

Diễn biến chỉ số USD index



Nguồn: investing.com

Đồng EUR và đồng GBP diễn biến trái chiều

Trong quý I/2021, 02 đồng tiền mạnh của khu vực Châu Âu đã có diễn biến trái chiều, tiếp tục chịu ảnh hưởng mạnh từ diễn biến của dịch bệnh và các chính sách phòng chống dịch của mỗi nước. Theo đó, đồng tiền chung của khu vực đã giảm gần 4% so với đồng USD trong quý I – lớn hơn 2 lần so với mức giảm của cùng kỳ năm ngoái. Diễn biến giảm đã kéo dài trong 3 tháng với mức giảm mạnh nhất rơi vào tháng 3, giảm 2,87%, biến động giảm trong khoảng 0,01 – 0,84%/ngày giao dịch. Trong 3 tháng qua, đồng EUR chịu áp lực lớn từ tốc độ lây lan nhanh của dịch bệnh trong khi Mỹ và Anh đã thúc đẩy mạnh chương trình tiêm chủng và lên kế hoạch mở cửa trở lại nền kinh tế một cách đầy đủ hơn. Bên cạnh đó, diễn biến tăng của đồng USD cũng tạo áp lực lớn lên đồng EUR, được thể hiện rõ nét nhất qua biến động giảm vào tháng 3. Kết thúc tháng 3, cặp tỷ giá EUR/USD giao dịch ở mức 1.1728.

Trong khi đó, qua 3 tháng đồng GBP đã có diễn biến trái chiều với đồng EUR trong 2 tháng đầu năm, tăng hơn 2% so với đồng USD và chỉ có cùng diễn biến giảm ở mức 1,1% vào tháng 3. Kết thúc quý I/2021, đồng GBP đã tăng khoảng 0,78% so với đồng USD - diễn biến tích cực hơn rất nhiều so với mức giảm hơn 6% vào cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, diễn biến giảm trong tháng 3 chủ yếu bị ảnh hưởng bởi diễn biến tăng mạnh của đồng USD trên thị trường quốc tế trong khi diễn biến tăng phần lớn được hỗ trợ bởi những nỗ lực của Chính phủ Anh trong việc kiểm soát dịch bệnh thông qua việc thực hiện tiêm phòng cho gần một nửa dân số, kích hoạt chương trình tự xét nghiệm,... và những diễn biến kinh tế tích cực hơn kỳ vọng hậu Brexit. Kết thúc tháng 3, cặp tỷ giá GBP/USD giao dịch ở mức 1.3779.

Bên cạnh đó, đồng AUD và đồng CAD cũng có diễn biến trái chiều, ghi nhận diễn biến khác nhau của cả 02 đồng tiền này qua các tháng. Theo đó, đồng AUD đã giảm 1,27% so với đồng USD trong quý I/2021 diễn biến tích cực hơn so với mức giảm hơn 12% của cùng kỳ năm ngoái. Đồng AUD đã tăng trong tháng 2 và giảm trong tháng 1, tháng 3, ghi nhận mức giảm mạnh 1,4% vào tháng 3. Trong khi đó, đồng CAD đã tăng 1,35% so với đồng USD sau 3 tháng giao dịch, ghi nhận diễn biến giảm trong tháng 1 và tăng trong 2 tháng tiếp theo, tăng mạnh 1,4% trong tháng 3. Diễn biến của 02 đồng tiền này đã chịu ảnh hưởng từ diễn biến tăng của đồng USD, của giá dầu và các diễn biến kinh tế, khả năng kiểm soát dịch bệnh, định hướng điều hành CSTT của NHTW mỗi nước,... Kết thúc tháng 3, cặp tỷ giá AUD/USD và cặp tỷ giá USD/CAD giao dịch lần lượt ở mức 0.7596 và 1.2558.

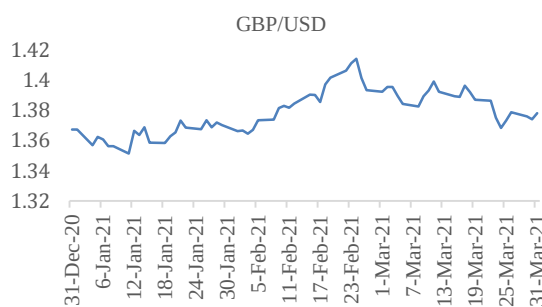
Đồng JPY giảm mạnh so với đồng USD

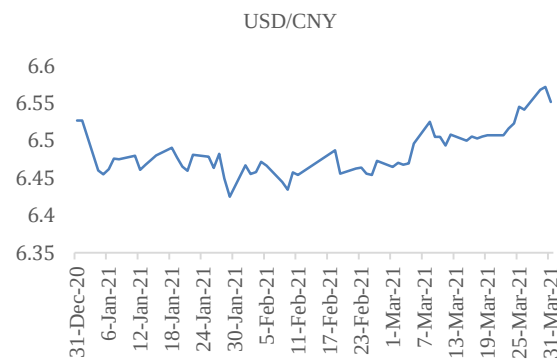
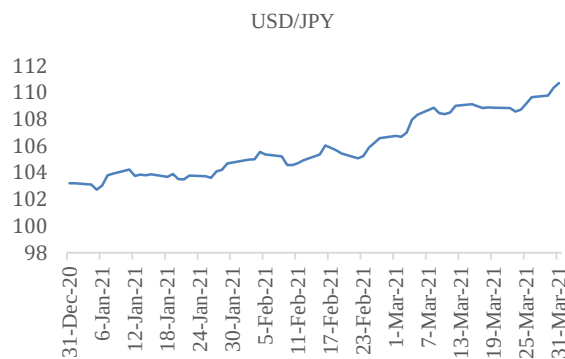
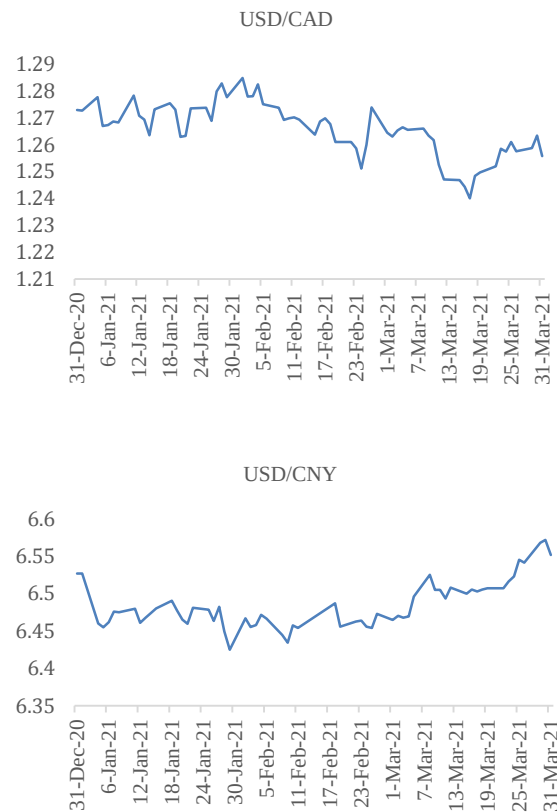
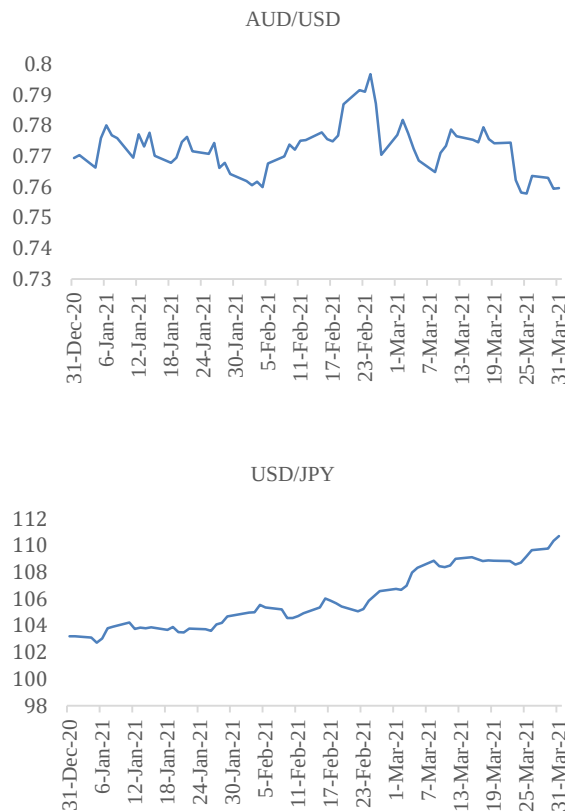
Trong quý I, đồng JPY có diễn biến ngược chiều so với cùng kỳ năm ngoái, liên tục giảm so với đồng USD qua các tháng với tổng mức giảm lớn hơn 7% - mức giảm mạnh nhất so với cùng kỳ trong 6 năm vừa qua. Đồng JPY cũng đã giảm mạnh nhất trong tháng 3 ở mức 3,87%, diễn biến giảm xuất hiện liên tục, biến động trong khoảng từ 0,05 – 0,92% với 02 chuỗi giảm từ ngày 3 – 8/3 và từ ngày 24 – 31/3 với tổng mức giảm lên đến hơn 4%. Diễn biến thiếu tích cực của đồng JPY chủ yếu là do sức bật của đồng bạc xanh trên thị trường và diễn biến tăng mạnh của lợi tức trái phiếu Chính phủ Mỹ trong khi kinh tế của Nhật chưa có tín hiệu phục hồi như kỳ vọng, CSTT của BOJ về cơ bản không có nhiều thay đổi và dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát. Kết thúc tháng 3, cặp tỷ giá USD/JPY ở mức 110.7.

Đồng CNY giảm thấp hơn so với cùng kỳ

Có cùng xu hướng giảm như đồng JPY trong quý I/2021 nhưng đồng CNY đã có diễn biến khác nhau qua các tháng. Theo đó, đồng CNY đã giảm 0,41% so với đồng USD qua 3 tháng - thấp hơn so với mức giảm 1,7% của cùng kỳ năm ngoái. Đồng CNY đã tăng 1,56% trong tháng 1 và giảm xấp xỉ 2% trong 2 tháng còn lại. Trong quý, diễn biến tăng của đồng CNY trong tháng 1 được thúc đẩy bởi những kết quả kinh tế năm 2020 của Trung Quốc và diễn biến giảm liên tục trong 2 tháng chịu tác động bởi yếu tố mang tính quy luật của nền kinh tế (hoạt động sản xuất, đầu tư chững lại trước kỳ nghỉ Tết vào tháng 2) và diễn biến tăng mạnh của đồng USD trên thị trường, đặc biệt là các diễn biến trong tháng 3. Kết thúc tháng 3, cặp tỷ giá USD/CNY giao dịch ở mức 6.5518.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh





Nguồn: investing.com

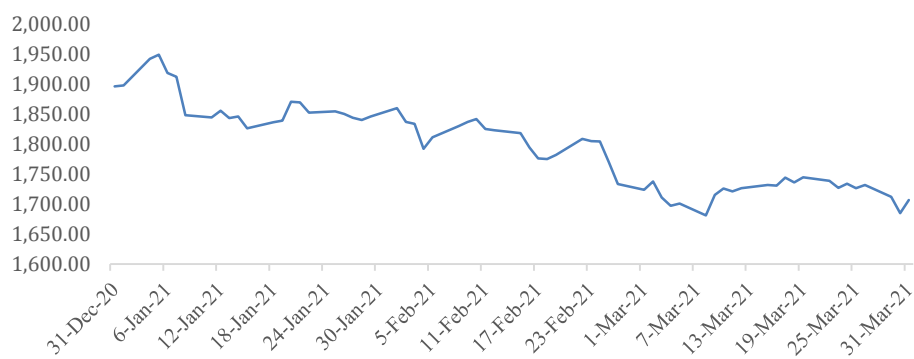
Diễn biến thị trường vàng

Giá vàng giảm liên tục

Trong quý I/2021, giá vàng đã giảm liên tục qua các tháng, giảm mạnh nhất vào tháng 2. Cụ thể, giá vàng giao ngay và kỳ hạn đều giảm xấp xỉ 10% - diễn biến trái chiều với diễn biến tăng hơn 3% trong quý I/2020. Ngưỡng giá giao dịch cao của vàng trong khoảng từ 1.800 - 1.900 \$/ounce đã chấm dứt trong tuần giao dịch cuối của tháng 2 và hình thành ngưỡng giá giao dịch mới trên 1.700 \$/ounce cho đến hết tháng 3. Mặc dù giá vàng đã có tháng giảm thấp nhất trong tháng 3 (giảm 1,53%) nhưng giá vàng đã có lúc giao dịch dưới ngưỡng giá mới trong khoảng 03 ngày với mức giá thấp nhất được ghi nhận là 1.676 \$/ounce. Diễn biến giảm của giá vàng trong những tháng vừa qua bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sự phục hồi của kinh tế Mỹ với 02 yếu tố tác động trực tiếp đó là tốc độ tăng của đồng USD và lợi tức trái phiếu kho bạc kỳ hạn 10 năm của Mỹ.

Theo báo cáo mới nhất của Hội đồng vàng thế giới – WGC, nhu cầu vàng toàn cầu đã giảm khoảng 14% so với cùng kỳ trong năm 2020. Trong đó, diễn biến của dịch bệnh Covid-19 đã làm giảm nhu cầu vàng trang sức nhưng làm gia tăng nhu cầu vàng đầu tư. Theo đó, nhu cầu vàng trang sức đã giảm 34% so với năm 2019 xuống còn 1411,6 tấn; nhu cầu đầu tư vào vàng đã tăng 40% lên mức 1.773,2 trong năm 2020, ghi nhận dòng vốn vào các quỹ hoán đổi danh mục - ETFs dựa trên vàng đạt 877,1 tấn. Tuy nhiên, theo số liệu mới nhất mà WGC công bố thì lượng vàng đầu tư qua các quỹ ETFs toàn cầu cũng đã giảm 2% trong tháng 2/2021 tương đương với 84,7 tấn.

Diễn biến giá vàng thế giới



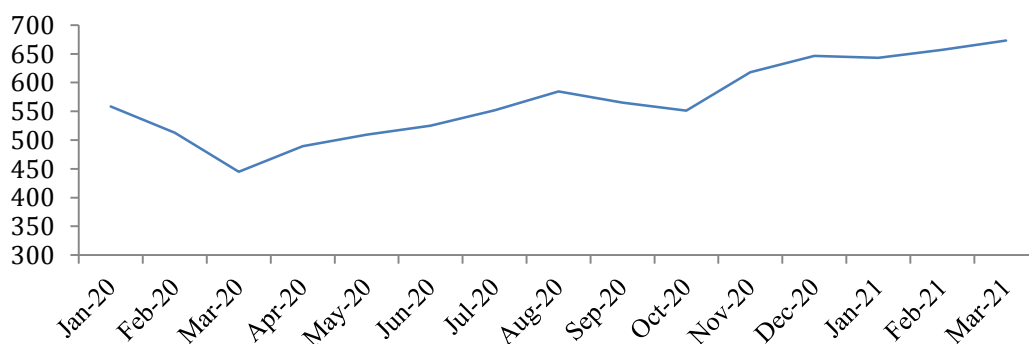
Nguồn: investing.com

Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu có diễn biến tích cực hơn so với cùng kỳ năm ngoái

Trong quý đầu tiên của năm 2021, thị trường chứng khoán toàn cầu đã tăng điểm, chỉ số MSCI ACWI tăng 4,18%, ở mức 673.29 điểm - diễn biến tích cực hơn so với mức độ giảm mạnh trên 21% của cùng kỳ năm ngoái. Chỉ số MSCI ACWI đã giảm nhẹ, ở mức 0,52% trong tháng 1 và tăng hơn 2% trong 2 tháng tiếp theo. Thị trường chứng khoán tại các khu vực nhìn chung đều có xu hướng tăng điểm.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI giai đoạn 1/2020 – 3/2021



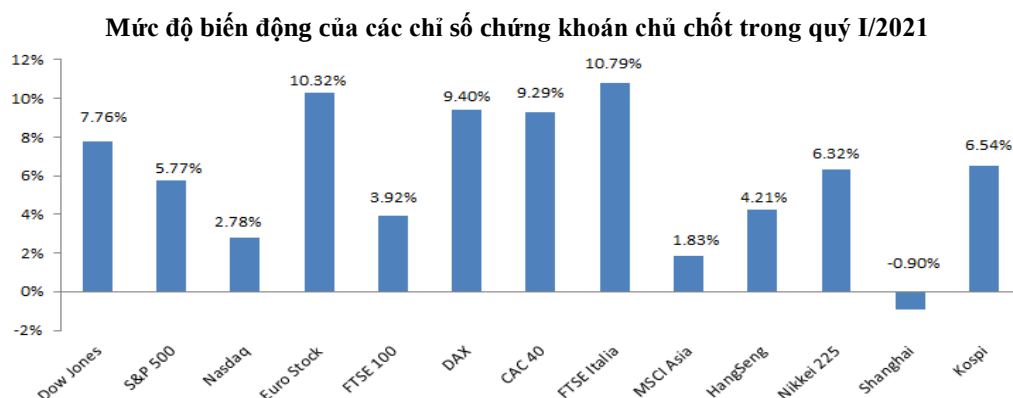
Nguồn: msci.com

Tại thị trường chứng khoán Mỹ, cả 3 chỉ số chính đều tăng điểm so với quý trước nhờ kỳ vọng vào gói kích thích khổng lồ của Chính phủ, cam kết không sớm nâng lãi suất của Fed và xu hướng tái mở của nền kinh tế khi chương trình tiêm chủng vaccine ngừa Covid-19 ngày càng được mở rộng. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của quý I, chỉ số công nghiệp Dow Jones tăng 7,76% lên 32,981.55 điểm, chỉ số S&P 500 tăng 5,77% lên 3.972,89 điểm. Chỉ số công nghệ Nasdaq có mức tăng khiêm tốn hơn với 2,78% lên 13.246,87 điểm. Dù vậy, thị trường có những lúc đi xuống do xu hướng tăng mạnh của lợi suất trái phiếu Chính phủ, cơn sốt cổ phiếu GameStop và sự sụp đổ của quỹ đầu cơ Archegos.

Tại Châu Âu, mặc dù tình hình dịch bệnh vẫn còn phức tạp xong các thị trường chứng khoán chủ chốt cũng diễn biến sôi động trước những chuyển biến tích cực của kinh tế và động lực từ thị trường chứng khoán Mỹ. Kết thúc quý I, chỉ số tổng hợp Euro Stoxx tăng 10,32% lên 3.919,21 điểm; chỉ số DAX của Đức tăng 9,4% lên 15.008,34 điểm; chỉ số CAC 40 của Pháp tăng 9,29% lên

6.067,23 điểm; chỉ số FTSE Italia tăng 10,79% lên 26.814,98 điểm và chỉ số FTSE 100 của Anh tăng 3,92% lên 6.713,63 điểm.

Tại Châu Á, kết thúc quý I, thị trường chứng khoán cũng có được xu hướng tăng, chỉ số MSCI Châu Á Thái Bình Dương tăng 1,83% lên 203,57 điểm với 02 tháng tăng điểm và 01 tháng giảm. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/3/2021, chỉ số Kospi của Hàn Quốc tăng 6,54% lên 3.061,42 điểm, Nikkei 225 của Nhật Bản tăng 6,32% lên 29.178,80 điểm và chỉ số HangSeng của Hồng Kông tăng 4,21% lên 28.378,35 điểm... Riêng chỉ số Shanghai của Trung Quốc giảm 0,9% xuống 3.441,91 điểm chủ yếu do các nhà đầu tư nhận định rằng thị trường đang được định giá cao và tăng trưởng quá nóng.



Nguồn: Bloomberg

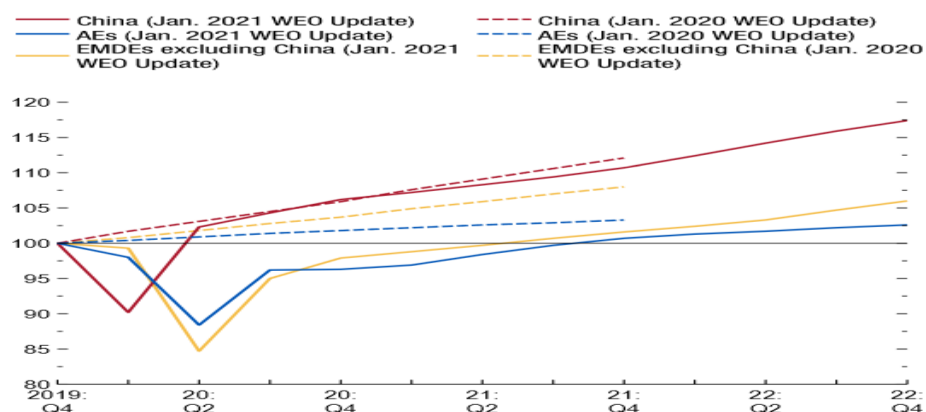
4. Triển vọng kinh tế toàn cầu

Kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ hồi phục trong năm 2021, tăng tốc mạnh trong quý II

Như vậy trong điều kiện dịch bệnh vẫn chưa được hoàn toàn kiểm soát nhưng với những nỗ lực của nhiều quốc gia trong việc sản xuất và tiêm chủng vaccine cùng việc thực hiện các gói cứu trợ kinh tế đã giúp cho kinh tế toàn cầu trong quý đầu tiên của năm đã có những diễn biến tươi sáng hơn so với dự báo, tín hiệu phục hồi đã xuất hiện trong cả khu vực sản xuất và dịch vụ; trao đổi hàng hóa trên toàn cầu đã sôi động trở lại, các điều kiện tài chính, tiền tệ không có nhiều thay đổi. Trên cơ sở đó, các dự báo kinh tế của các tổ chức quốc tế cho năm 2021 đã nhanh chóng được điều chỉnh tăng khoảng 0,3 – 0,4 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra vào cuối năm ngoái, cụ thể như sau:

- *Về triển vọng tăng trưởng kinh tế:* Kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng trở lại trong năm 2021 với tốc độ mạnh mẽ có thể xuất hiện trong quý II, tuy nhiên tốc độ phục hồi sẽ là khác nhau giữa các nước, phụ thuộc lớn vào hiệu quả chính sách kinh tế, y tế của từng nước cũng như khả năng kiểm soát dịch bệnh. Theo dự báo mới nhất của các tổ chức quốc tế, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2021 có thể đạt 5,5 – 5,6%. Kỳ vọng lớn được đặt vào Mỹ và Nhật Bản trong khi khu vực Eurozone và nước Anh sẽ có những bước phục hồi chậm hơn. Bên cạnh đó, trong số các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc sẽ tiếp tục có khoảng cách với các nước còn lại. Tại khu vực Đông Nam Á, các hiệp định thương mại tự do mới giữa ASEAN, Australia và NewZealand sẽ mang lại nhiều cơ hội hơn cho khu vực. Trong đó, Việt Nam được dự báo sẽ là nền kinh tế phát triển nhanh nhất trong khu vực.

Xu hướng phục hồi của các nền kinh tế trên thế giới



Nguồn: Báo cáo triển vọng kinh tế của IMF

- *Về triển vọng thương mại, đầu tư:* Thương mại toàn cầu được dự báo là sẽ có bứt phá nhiều hơn trong quý II khi các điều kiện sản xuất và giao thương hàng hóa dần trở lại bình thường. Theo dự báo mới nhất của IMF, GTA, thương mại toàn cầu sẽ tăng trưởng khoảng 7,6 – 8% trong năm 2021. Trong đó, thương mại hàng hóa được dự báo là sẽ tăng mạnh hơn thương mại dịch vụ, có thể đạt 7,5%. Tốc độ tăng trưởng thương mại dịch vụ tiếp tục phụ thuộc mạnh vào sự phục hồi của du lịch và vận chuyển hàng hóa quốc tế.

Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư toàn cầu được dự báo là vẫn còn yếu trong bối cảnh các bất ổn sẽ còn xuất hiện khi dịch bệnh chưa được kiểm soát. Theo báo cáo mới nhất của UNCTAD, dòng vốn đầu tư trực tiếp toàn cầu dự báo giảm khoảng 42% trong năm 2020, trong đó dòng vốn FDI của các quốc gia đang phát triển giảm 12% nhưng các quốc gia phát triển phải đối mặt với mức giảm lên đến mức giảm 69%. Và ảnh hưởng của đại dịch đến hoạt động đầu tư sẽ kéo dài, các nhà đầu tư sẽ thận trọng hơn trong việc tìm kiếm các dự án, sản phẩm đầu tư. Chính vì vậy, mặc dù kinh tế đang có nhiều tín hiệu tốt song tổ chức này vẫn dự báo rằng dòng vốn FDI trên toàn cầu trong năm 2021 sẽ tiếp tục suy giảm nhưng mức độ sẽ thấp hơn nhiều so với năm 2020, trong khoảng 5 – 10%. Trong đó, một xu hướng đáng chú ý là dòng vốn đầu tư sẽ quay trở lại các nước phát triển, xu hướng mua bán, sáp nhập sẽ gia tăng ở các quốc gia đang phát triển.

- *Về diễn biến giá cả hàng hóa:* Được dự báo sẽ tiếp tục biến động theo xu hướng tích cực, trước mắt trong quý tới xu hướng tăng sẽ được củng cố khi nhu cầu hàng hóa sản xuất, tiêu dùng tăng mạnh trở lại. Giá cả hàng hóa năng lượng, phi năng lượng sẽ tiếp tục tăng trong khi giá của nhóm hàng kim loại quý có thể có diễn biến khác. Đáng chú ý là giá dầu có thể tiếp tục tăng cao trước áp lực về việc nguồn cung bị giới hạn.

Diễn biến lạm phát toàn cầu trong năm 2021 được dự báo là vẫn ở mức thấp, tại các nền kinh tế phát triển lạm phát nhiều khả năng vẫn biến động sát với mục tiêu đặt ra là 2% và tại các nước đang phát triển sẽ giao động quanh ngưỡng 4%.

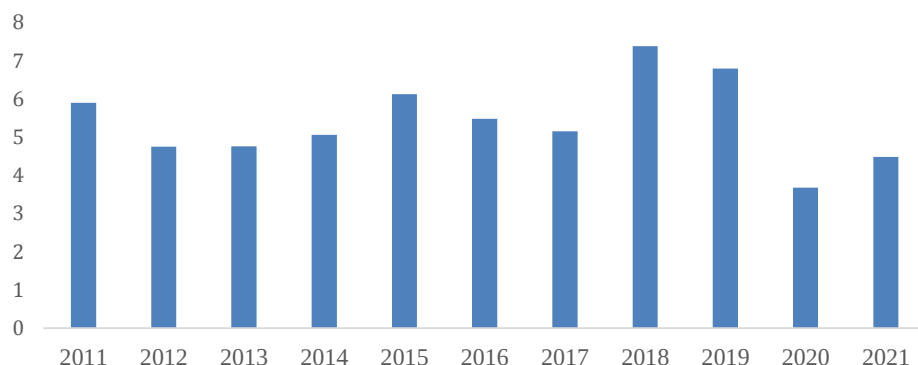
KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế tiếp tục diễn biến tốt, tốc độ tăng trưởng của các khu vực đã cao hơn so với cùng kỳ

Tăng trưởng kinh tế trong 03 tháng đầu năm ước tính tăng 4,48% - cao hơn tốc độ tăng 3,68% của quý I/2020. Trong đó, tất cả các khu vực kinh tế chủ chốt đều tăng cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%, đóng góp 8,34% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,3%, đóng góp 55,96%; khu vực dịch vụ tăng 3,34%, đóng góp 35,70%¹.

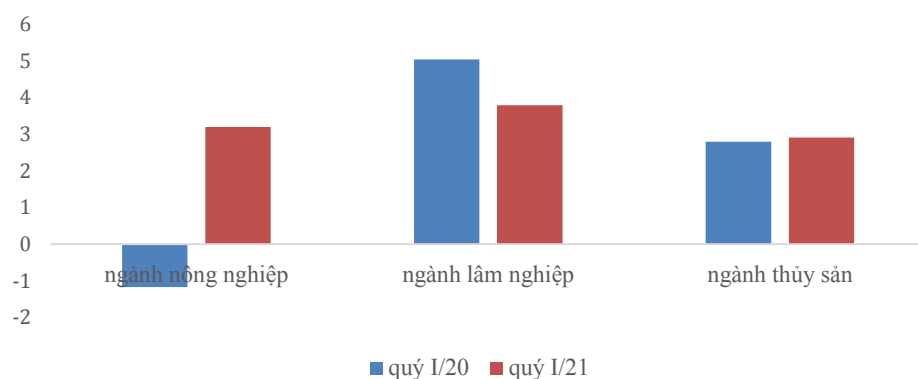
Tốc độ tăng trưởng GDP quý I giai đoạn 2011 – 2021



Nguồn: TCTK

+ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản so với đầu năm ngoái đã bớt khó khăn hơn khi dịch tả lợn Châu Phi được kiểm soát, thời tiết khá thuận lợi. Theo đó, ngành nông nghiệp tăng ở mức 3,19% - trái với xu hướng tăng trưởng âm của cùng kỳ năm ngoái (-1,17%), làm tăng 0,29 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,78%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 2,9%, cao hơn mức tăng 2,79% của cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,07 điểm phần trăm.

Tốc độ tăng trưởng của các nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong quý I (2020-2021)



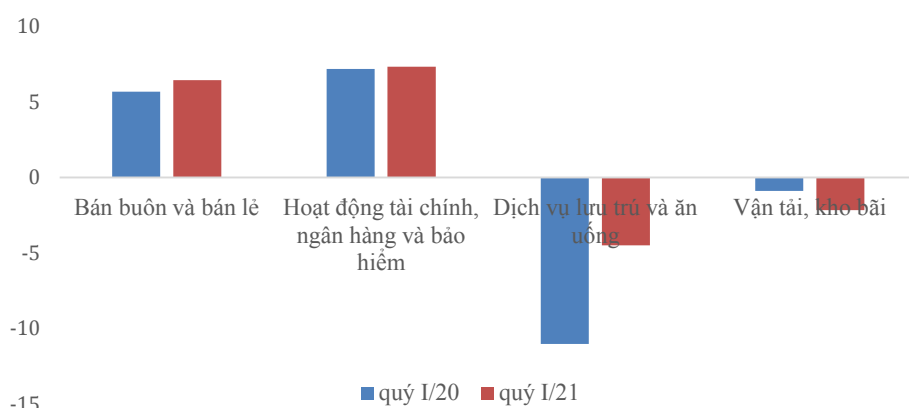
Nguồn: TCTK

+ Khu vực dịch vụ diễn biến tích cực trong điều kiện dịch bệnh được kiểm soát. Trong đó, ngành bán buôn và bán lẻ tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước – đóng

¹ Trong quý I/2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,08%, đóng góp 0,2% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,15%, đóng góp 58,4%; khu vực dịch vụ tăng 3,27%, đóng góp 41,4%

góp lớn nhất vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, ở mức 0,67 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tiếp tục giữ được nhịp độ ổn định, tăng nhẹ so với cùng kỳ ở mức 7,35%, đóng góp 0,4 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, một số nhóm ngành vẫn bị ảnh hưởng bởi diễn biến của dịch bệnh, tiếp tục suy giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như ngành vận tải, kho bãi giảm 2,17%, làm giảm 0,15 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 4,49%, làm giảm 0,12 điểm phần trăm.

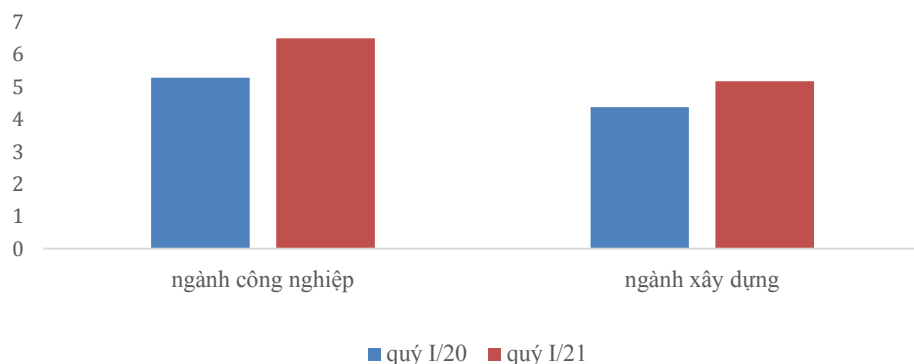
Một số ngành chủ lực trong khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng thấp hoặc giảm trong quý I (2020-2021)



Nguồn: TCTK

+ Khu vực công nghiệp và xây dựng đã ghi nhận các mức tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ. Theo đó, ngành xây dựng tăng 5,17%, cao hơn mức tăng 4,37% của quý I/2020, đóng góp 0,32 điểm phần trăm. Ngành công nghiệp tăng 6,5%, cao hơn so với cùng kỳ khoảng 1,4 điểm phần trăm. Trong nhóm ngành công nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành sản xuất động lực với mức tăng 9,45%, đóng góp 2,37 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất điện và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,5%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,78%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm, trong khi ngành khai khoáng tiếp tục suy giảm 8,24%, làm giảm 0,36 điểm phần trăm mức tăng chung, chủ yếu do sản lượng dầu thô khai thác giảm 11% và khí đốt tự nhiên giảm 16,1%.

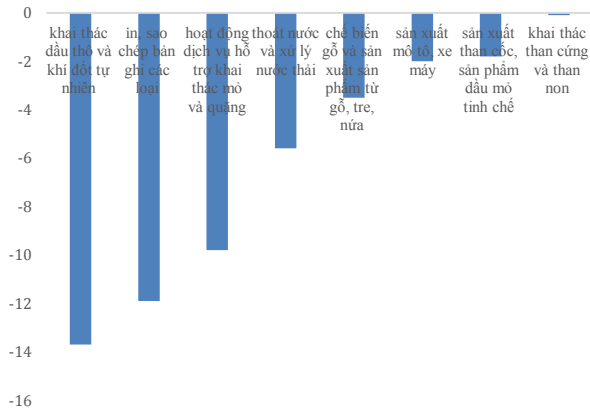
Tốc độ tăng trưởng của các nhóm ngành công nghiệp và xây dựng trong quý I (2020-2021)



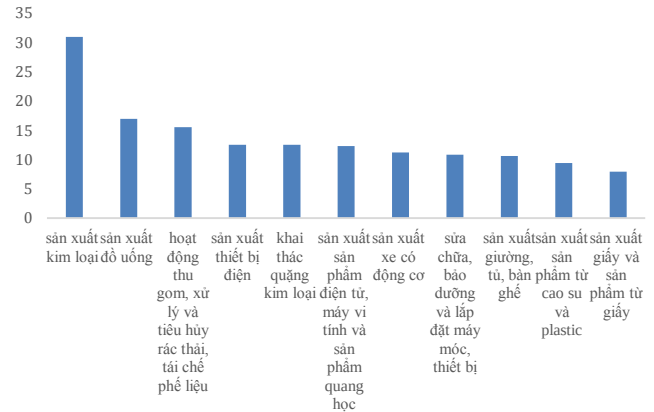
Nguồn: TCTK

Trong quý I/2021, một số nhóm ngành chính có chỉ số sản xuất tăng cao so với cùng kỳ năm trước, phổ biến tăng trong khoảng 7,9 - 16,9%, tăng mạnh nhất là chỉ số của nhóm ngành sản xuất kim loại tăng 30,9%. Trong khi đó, chỉ số của nhóm ngành khai khoáng tiếp tục giảm, giao động trong khoảng 0,1 - 13,7%.

Một số ngành có chỉ số sản xuất quý I/2021 giảm so với cùng kỳ năm trước



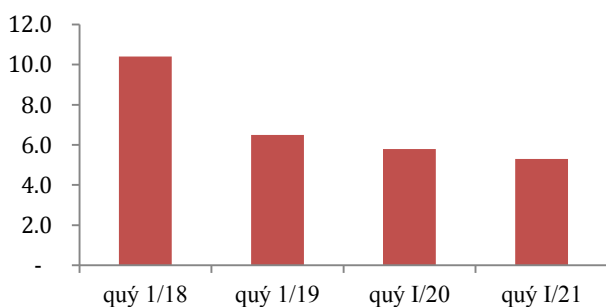
Một số ngành có chỉ số sản xuất quý I/2021 tăng so với cùng kỳ năm trước



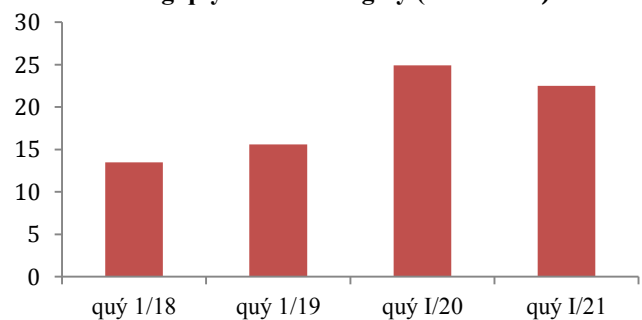
Bên cạnh đó, hoạt động tiêu thụ và tồn kho trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo cũng đã có diễn biến tốt hơn so với quý I/2020. Cụ thể, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ tiêu thụ tăng cao ở một số nhóm ngành như: sản xuất kim loại tăng 28,5%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu tăng 18,7%; sản xuất đồ uống tăng 17,8%; sản xuất thiết bị điện tăng 12,2%; sản xuất xe có động cơ tăng 11,4%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 10,8%.

Đồng thời, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 31/3/2021 tăng 22,5% - thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm trước² trong đó, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm: sản xuất đồ uống tăng 13,9%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 9,8%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 0,7%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 13%; sản xuất xe có động cơ giảm 24,5%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành CN chế biến, chế tạo trong quý I so với cùng kỳ (2018-2021)



Chỉ số tồn kho toàn ngành CN chế biến, chế tạo trong quý I so với cùng kỳ (2018-2021)



Nguồn: TCTK

² Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính đến cuối tháng 3/2020 tăng 24,9%

Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,71%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,45%; khu vực dịch vụ chiếm 42,2%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,64%. Cơ cấu này cũng tương ứng so với cùng kỳ năm 2020 lần lượt là 11,66%; 35,86%; 42,82%; 9,66%.

Về góc độ sử dụng, các cấu phần đóng góp trong GDP quý I/2021 đã tăng khá mạnh so với cùng kỳ, trong đó đặc biệt là tốc độ tăng của xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 17,01%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,38%³; tiêu dùng cuối cùng tăng 4,59% so với cùng kỳ năm 2020; tích lũy tài sản tăng 4,08%⁴.

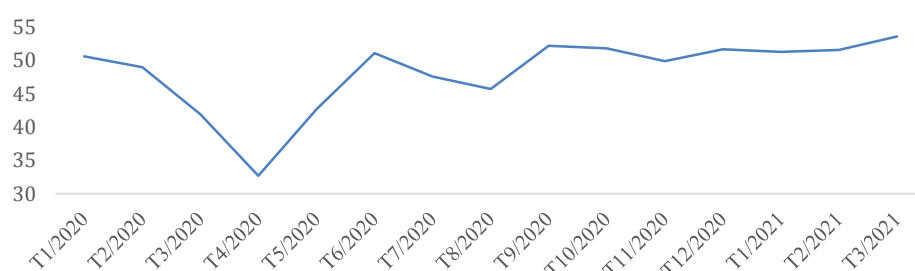
Các điều kiện kinh doanh được cải thiện tốt nhất trong tháng 3

Trong quý I/2021, các điều kiện sản xuất kinh doanh tiếp tục được cải thiện, theo đó, chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam có diễn biến tích cực hơn so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục lớn hơn 50 điểm, kéo dài xu hướng mở rộng trong 27 tháng. Đáng chú ý là PMI trong tháng 3 đã tăng hơn 2 điểm so với các tháng trước, đạt 53,6 điểm – mức cao nhất kể từ năm 2019 đến nay.

Thành công trong việc kiểm soát dịch bệnh Covid-19 và việc nhu cầu tăng trở lại đã hỗ trợ cho sản lượng và đơn đặt hàng mới gia tăng liên tục, thậm chí số lượng đơn hàng mới từ nước ngoài đã tăng mạnh nhất kể từ cuối năm 2018. Thực tế đó đã thúc đẩy hoạt động sản xuất tăng nhanh hơn qua các tháng, các nhà sản xuất cũng đã tăng số lượng nhân viên và hoạt động mua hàng trong tháng 3. Đồng thời, niềm tin kinh doanh cũng đạt mức cao nhất kể từ giữa năm 2019 đến nay.

Mặc dù vậy, hoạt động sản xuất trong nước tiếp tục phải đối mặt với những thách thức liên quan đến việc khan hiếm nguyên vật liệu đầu vào và những khó khăn trong việc vận chuyển hàng hóa. Điều này cũng đem đến những tác động thiếu tích cực như thời gian giao hàng bị kéo dài, tồn kho thành phẩm tăng, chi phí đầu vào gia tăng. Đáng chú ý là các nhà sản xuất đã chuyển bớt gánh nặng chi phí sang cho khách hàng làm cho giá cả đầu ra đã tăng liên tục và tăng mạnh trong tháng 3.

Diễn biến chỉ số PMI



Nguồn: Nikkei

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng diễn biến tốt hơn so với cùng kỳ

Hoạt động bán lẻ hàng hóa và kinh doanh dịch vụ tiêu dùng trong quý I/2021 tiếp tục diễn biến tốt. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.291,1 nghìn tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 4,42% (cùng kỳ năm 2020 giảm 0,01%).

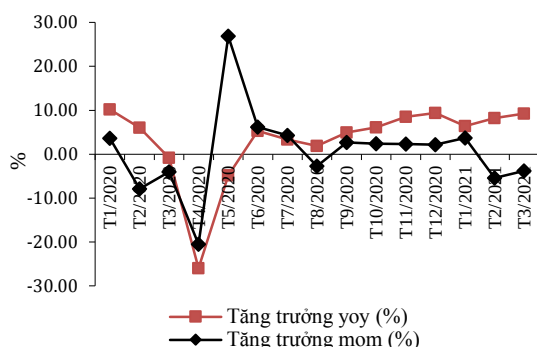
Xét theo ngành hoạt động, trong khi doanh thu từ ngành bán lẻ vẫn duy trì được

³ Quý I/2020: xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 1,59%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 1,05%

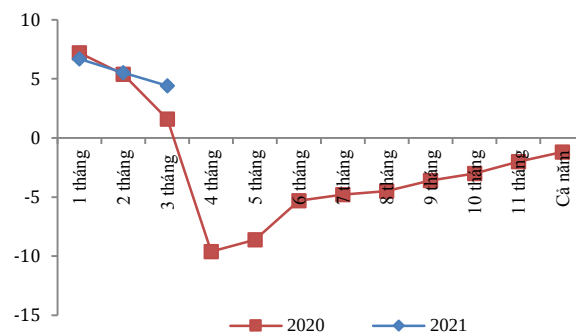
⁴ Quý I/2020: Tiêu dùng cuối cùng tăng 3,07% so với cùng kỳ năm 2019; tích lũy tài sản tăng 2,2%

đà tăng trưởng thì doanh thu từ 2 ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch, lữ hành tiếp tục bị ảnh hưởng bởi diễn biến của dịch bệnh, cụ thể: doanh thu bán lẻ hàng hóa quý I/2021 ước tính đạt 1.033,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 80,1% tổng mức và tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 124 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,6% tổng mức và giảm 3% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 3,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,2% tổng mức và giảm 60,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (% yoy)

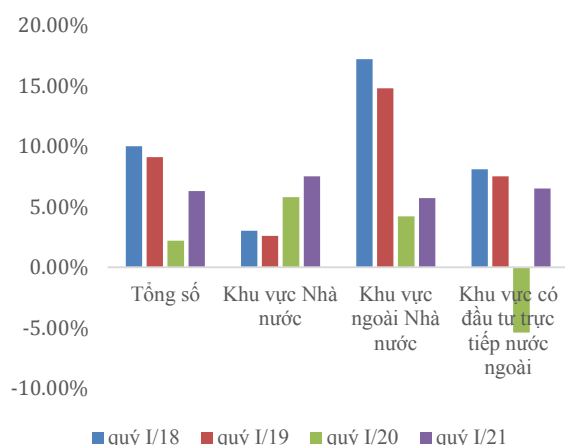


Nguồn: TCTK

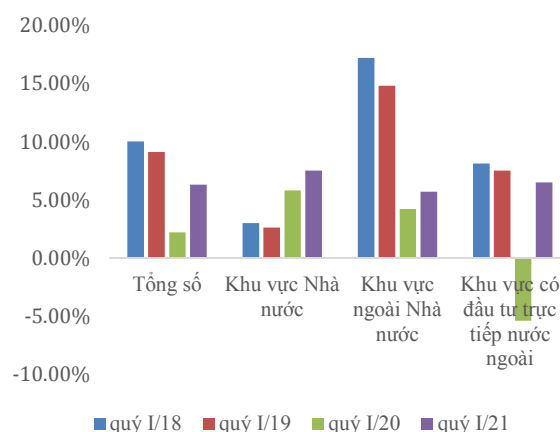
Vốn đầu tư toàn xã hội đã có tín hiệu tích cực

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I/2021 ước tính đạt 507,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư từ các khu vực trong nền kinh tế đã tăng tốt hơn so với cùng kỳ, đáng chú ý là vốn đầu tư từ khu vực nước ngoài đã tăng trưởng trở lại – trái ngược với xu hướng của cùng kỳ năm 2020. Trong đó, vốn khu vực Nhà nước đạt 122,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,1% tổng vốn và tăng 7,5%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 290,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 57,2% và tăng 5,7%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 95,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,7% và tăng 6,5%.

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư của các khu vực kinh tế trong quý I so với cùng (2018 – 2021)



Tỷ trọng đóng góp vào vốn đầu tư toàn xã hội phân theo khu vực kinh tế trong quý I (2018 – 2021)



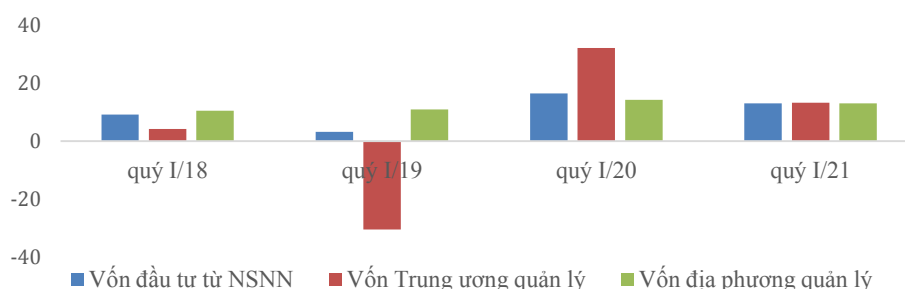
Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tiếp tục tăng

Trong vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước quý I/2021 ước tính đạt 68,1 nghìn tỷ đồng, bằng 14,9% kế hoạch năm và tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể vốn trung ương quản

lý đạt 9,4 nghìn tỷ đồng, bằng 12,2% kế hoạch năm và tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 58,7 nghìn tỷ đồng, bằng 15,4% và tăng 13%.

Tăng trưởng các cấu phần vốn đầu tư từ NSNN trong quý I so với cùng kỳ (2018 – 2021)



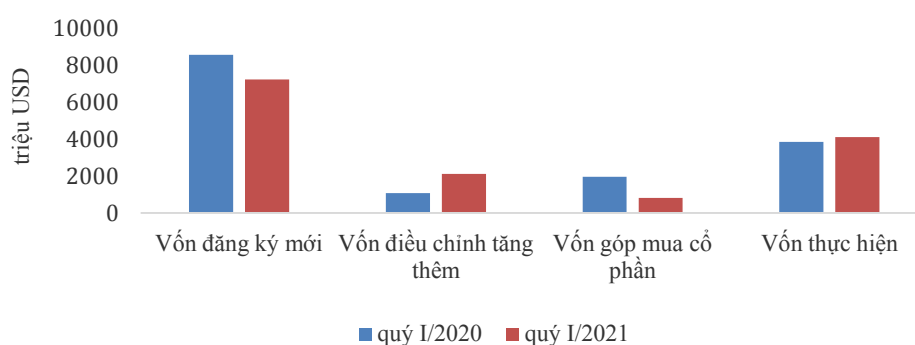
Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng so với cùng kỳ

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/3/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 10,13 tỷ USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đầu tư mới và tăng thêm đã có diễn biến tích cực hơn so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể số vốn đăng ký ước đạt 7,2 tỷ USD, tăng 30,6%; vốn đầu tư tăng thêm đạt 2,1 tỷ USD, tăng 97,4%. Tuy nhiên, vốn đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần tiếp tục có diễn biến suy giảm, cụ thể tổng giá trị góp vốn đạt gần 805,3 triệu USD, giảm 58,8%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện quý I/2021 ước tính đạt 4,1 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt gần 3 tỷ USD, chiếm 72,3% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 597,7 triệu USD, chiếm 14,6%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 260,7 triệu USD, chiếm 6,4%.

Vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong quý I (2020-2021)



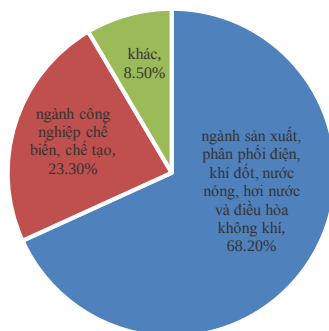
Nguồn: TCTK

Trong quý I/2021, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 4,93 tỷ USD, chiếm 68,2% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,68 tỷ USD, chiếm 23,3%; các ngành còn lại đạt 612,6 triệu USD, chiếm 8,5%.

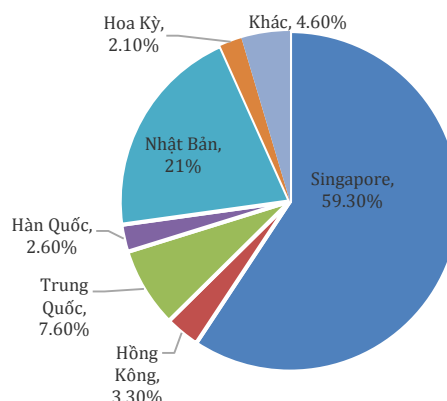
Trong số 56 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam, Singapore vẫn giữ vững được vị trí đứng đầu, tiếp đến Nhật Bản đã

vươn lên vị trí thứ 2. Các quốc gia khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông và Hoa Kỳ tiếp tục là các nhà đầu tư lớn vào thị trường Việt Nam.

Cơ cấu đầu tư theo ngành quý I/2021



Cơ cấu đầu tư theo đối tác quý I/2021



Nguồn: TCTK

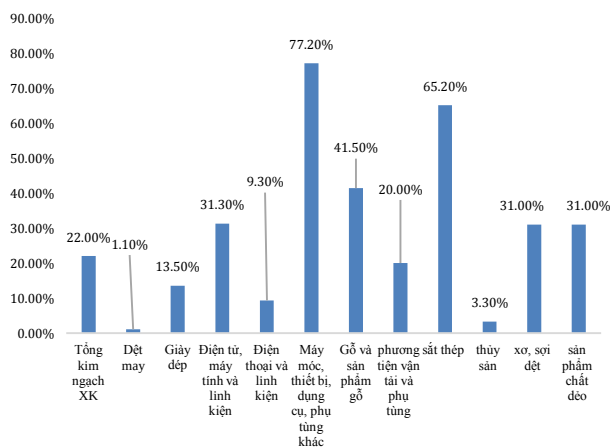
Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh

Tính chung quý I/2021, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 77,34 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước⁵, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 18,3 tỷ USD, tăng 4,9%, chiếm 23,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 59,04 tỷ USD, tăng 28,5%, chiếm 76,3%. Trong quý I có 11 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 76,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; 4 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 54,7%.

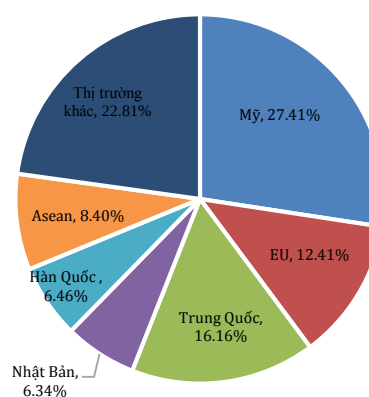
Về thị trường xuất khẩu hàng hóa quý I/2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 21,2 tỷ USD, tăng 32,8% so với cùng kỳ năm trước; tiếp đến là Trung Quốc đạt 12,5 tỷ USD, tăng 34,3%; thị trường EU đạt 9,6 tỷ USD, tăng 14,2%; thị trường ASEAN đạt 6,5 tỷ USD, tăng 3,4%; Hàn Quốc đạt 5 tỷ USD, tăng 6,4%; Nhật Bản đạt 4,9 tỷ USD, giảm 1,5%.

Trong quý I/2021, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước tính đạt 869 triệu USD, giảm 77,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ du lịch đạt 34 triệu USD (chiếm 3,9% tổng kim ngạch), giảm 98,6%; dịch vụ vận tải đạt 70 triệu USD (chiếm 8,1%), giảm 86,9%.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực quý I/2021



Cơ cấu xuất khẩu phân theo một số thị trường chủ chốt quý I/2021



Nguồn: TCTK

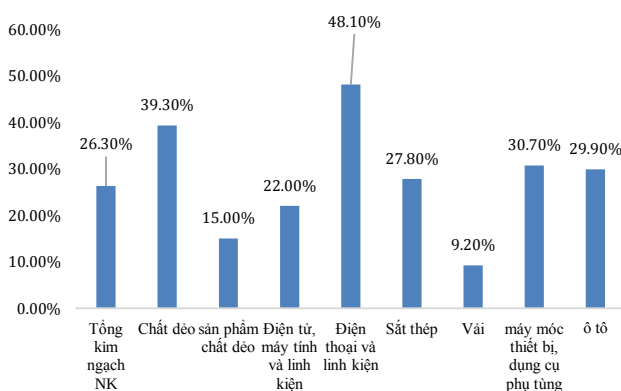
⁵ Quý I/2020, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 59,08 tỷ USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước

Bên cạnh đó, trong quý I/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 75,31 tỷ USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm trước⁶, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 25,05 tỷ USD, tăng 17%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 50,26 tỷ USD, tăng 31,5%. Trong quý I/2021 có 15 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm 73,3% tổng kim ngạch nhập khẩu; 2 mặt hàng đạt trên 5 tỷ USD, chiếm 36,7%.

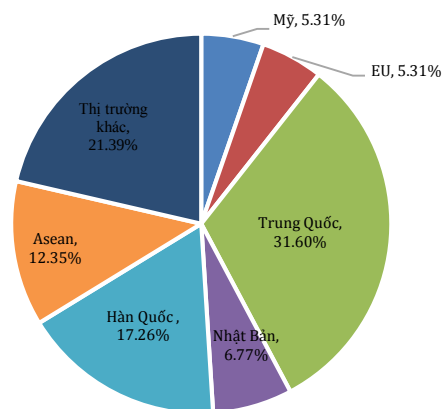
Về thị trường nhập khẩu hàng hóa quý I/2021, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 23,8 tỷ USD, tăng 47,3% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là Hàn Quốc đạt 13 tỷ USD, tăng 9,9%; thị trường ASEAN đạt 9,3 tỷ USD, tăng 26,3%; Nhật Bản đạt 5,1 tỷ USD, tăng 4,8%; thị trường EU đạt 4 tỷ USD, tăng 15,4%; Hoa Kỳ đạt 4 tỷ USD, tăng 12,3%.

Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ quý I/2021 ước tính đạt 4,98 tỷ USD, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 2,38 tỷ USD (chiếm 47,7% tổng kim ngạch), tăng 25%; dịch vụ du lịch đạt 900 triệu USD (chiếm 18,1%), giảm 34,8%. Nhập siêu dịch vụ quý I/2021 là 4,11 tỷ USD, gấp gần 5 lần kim ngạch xuất khẩu dịch vụ và tăng 2,86 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực quý I/2021



Cơ cấu nhập khẩu phân theo một số thị trường chủ chốt quý I/2021

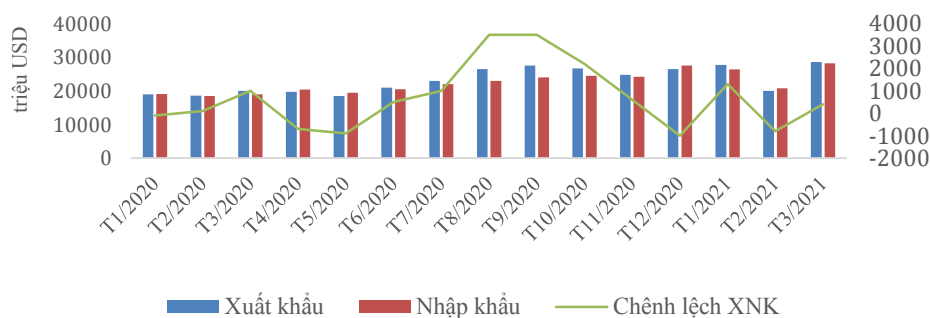


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại xuất siêu 2,03 tỷ USD trong quý I

Tính chung quý I/2021, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 2,03 tỷ USD⁷, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 6,75 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 8,78 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2020 – 2021)



Nguồn: TCTK

⁶ Quý I/2020, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 56,26 tỷ USD, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm trước

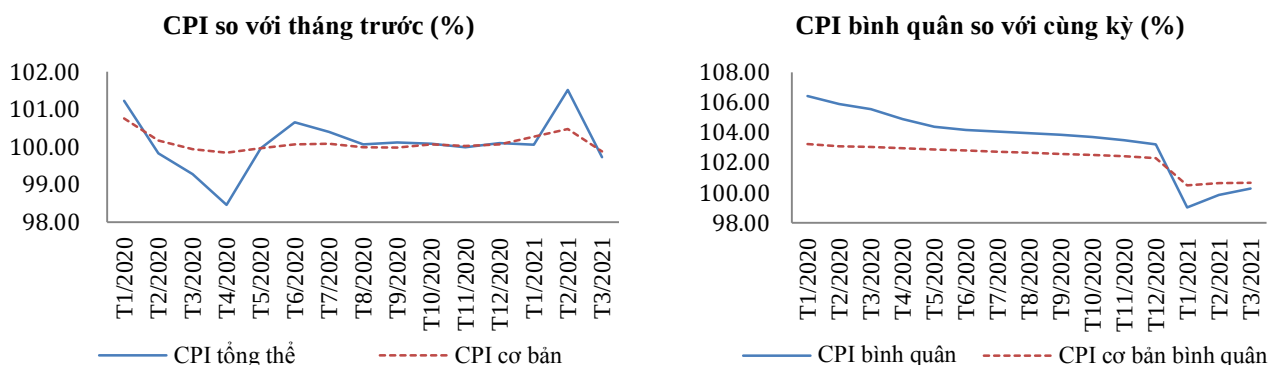
⁷ Trong đó, quý I/2021 xuất siêu sang EU đạt 5,6 tỷ USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 11,3 tỷ USD, tăng 65,1%; nhập siêu từ Hàn Quốc 8 tỷ USD, tăng 12,2%; nhập siêu từ ASEAN 2,8 tỷ USD, tăng 159,9%.

2. Lạm phát

CPI bình quân quý I tăng thấp nhất trong 20 năm qua

CPI bình quân quý I năm 2021 ước tăng 0,29% so với cùng kỳ năm trước - là mức tăng thấp nhất trong 20 năm qua⁸. Trong đó, CPI so với cùng kỳ đã giảm trong tháng 1 và tăng trong 2 tháng kế tiếp⁹.

Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản bình quân quý I/2021 tăng 0,67% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Trong đó, lạm phát cơ bản đã có xu hướng tăng liên tục trong 3 tháng, cụ thể tăng 0,49%; 0,79% và 0,73% so với cùng kỳ năm trước.



Nguồn: TCTK

Kết thúc quý I/2021, trong rổ hàng hóa, dịch vụ tính CPI có 7/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá tăng so với bình quân cùng kỳ năm trước với những diễn biến đáng chú ý như sau:

+ Giáo dục: CPI bình quân nhóm Giáo dục tăng cao nhất với mức tăng 4,08% so với cùng kỳ năm trước trong đó nhóm Dịch vụ giáo dục tăng 4,49% do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP.

+ Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: CPI bình quân nhóm ngành này tăng 1,58% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu về nhiều loại mặt hàng trong dịp Tết Nguyên đán tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: lương thực tăng 6,74%; thực phẩm tăng 0,49% (tác động làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm), trong đó: giá thịt lợn tăng 0,46%, giá thịt bò tăng 2,89%, giá thịt chế biến tăng 3,73%; ăn uống ngoài gia đình tăng 2,08% theo giá lương thực, thực phẩm.

+ Các nhóm ngành khác có CPI bình quân tăng giao động trong khoảng 0,27% - 1,65% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, trong quý I/2021 đã có 4/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá giảm so với bình quân cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- CPI bình quân của nhóm giao thông giảm nhiều nhất với mức giảm 5,55% so với cùng kỳ năm trước do giá xăng dầu trong nước bình quân quý I/2021 giảm 9,54% so với cùng kỳ năm trước (tác động làm CPI chung giảm 0,34 điểm phần trăm) và giá dầu hỏa giảm 14,5%.

⁸ Tốc độ tăng CPI bình quân quý I so với cùng kỳ năm trước các năm 2002-2021 lần lượt là: tăng 2,95%; tăng 3,82%; tăng 4,23%; tăng 9,07%; tăng 8,31%; tăng 6,58%; tăng 16,37%; tăng 14,47%; tăng 8,51%; tăng 12,79%; tăng 15,95%; tăng 6,91%; tăng 4,83%; tăng 0,74%; tăng 1,25%; tăng 4,96%; tăng 2,82%; tăng 2,63%; tăng 5,56%; tăng 0,29%

⁹ Tốc độ tăng CPI so với cùng kỳ trong tháng 1 giảm 0,97%; tháng 2 tăng 0,7% và tháng 3 tăng 1,16%

- CPI bình quân nhóm văn hóa giải trí và du lịch giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm so với cùng kỳ năm trước làm cho giá vé máy bay quý I/2021 giảm 24,28%; giá vé tàu hỏa giảm 10,03%; giá du lịch trọn gói giảm 4%.
- CPI bình quân nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,82% so với cùng kỳ năm trước do Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn vì dịch Covid-19, trong đó gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam triển khai giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý II và quý IV năm 2020 nên giá điện tháng 01/2021 giảm 16,88% so với tháng trước làm cho giá điện sinh hoạt bình quân quý I/2021 giảm 7,18% so với cùng kỳ năm trước (tác động làm CPI chung giảm 0,24 điểm phần trăm).
- CPI bình quân nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,55% so với cùng kỳ năm trước.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 3 năm 2021

Công văn số 1348/BCT-TTTN ngày 12/3/2021 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 691 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 797 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 558 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 563 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 642 đồng/kg.

Công văn số 1685/BCT-TTTN ngày 27/3/2021 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

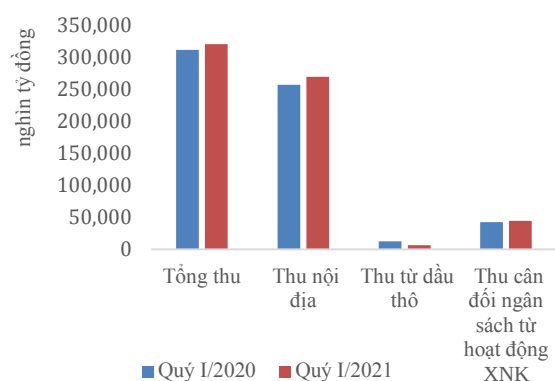
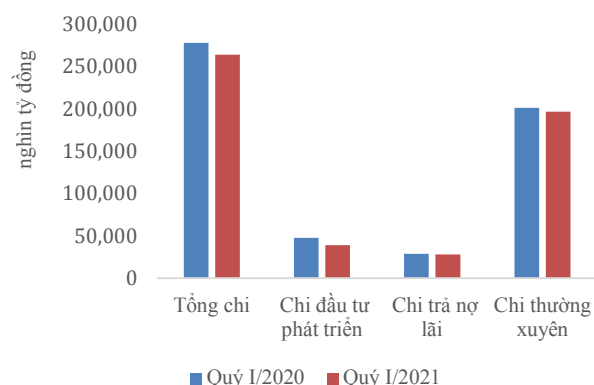
Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 129 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 165 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 158 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 169 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 12 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

*Thu chi NSNN
diễn biến tích
cực*

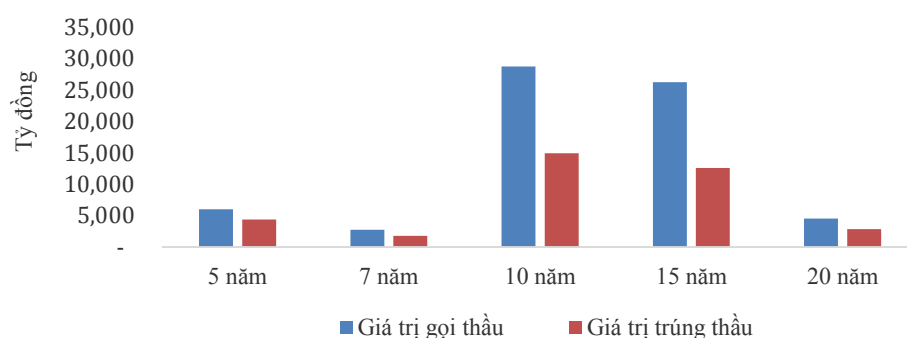
Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2021 ước tính đạt 320,1 nghìn tỷ đồng, bằng 23,8% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 269 nghìn tỷ đồng, bằng 23,7%; thu từ dầu thô 6,5 nghìn tỷ đồng, bằng 28%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 44,1 nghìn tỷ đồng, bằng 24,7%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước đạt 32 nghìn tỷ đồng, bằng 21,6% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 54,7 nghìn tỷ đồng, bằng 27,5%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 69,1 nghìn tỷ đồng, bằng 29,1%; thu thuế thu nhập cá nhân 29 nghìn tỷ đồng, bằng 26,9%; thu thuế bảo vệ môi trường 10 nghìn tỷ đồng, bằng 15,6%; thu tiền sử dụng đất 32,2 nghìn tỷ đồng, bằng 28,9%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2021 ước tính đạt 264,2 nghìn tỷ đồng, bằng 15,7% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 196,8 nghìn tỷ đồng, bằng 19%; chi đầu tư phát triển 39,1 nghìn tỷ đồng, bằng 8,2%; chi trả nợ lãi 27,9 nghìn tỷ đồng, bằng 25,4%.

Thu NSNN quý I/2020 và quý I/2021**Chi NSNN quý I/2020 và quý I/2021**

Nguồn: TCTK

Trong quý I, KBNN huy động thành công 39.205 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 73.750 tỷ đồng, đạt tỷ lệ hơn 53% - thấp hơn so với tỷ lệ 66% của cùng kỳ năm trước. Giá trị trúng thầu trong quý I/2021 đã hoàn thành gần 40% kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ trong quý I, trong đó, khối lượng phát hành tập trung chủ yếu vào kỳ hạn 10 năm và 15 năm.

Giá trị trúng thầu qua các kỳ hạn trong 3 tháng đầu năm

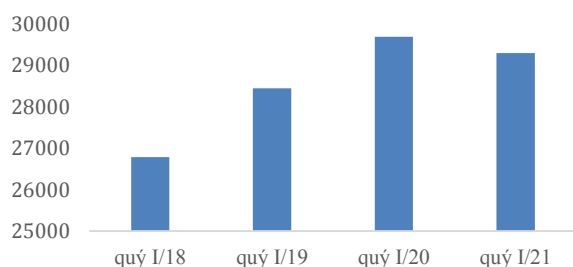
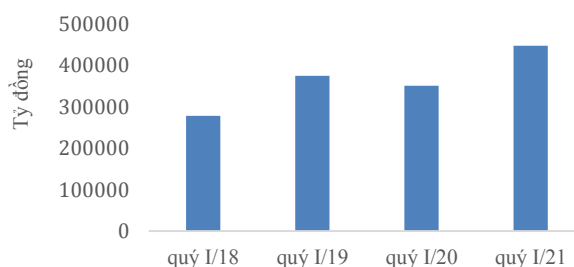
Nguồn: hnx.vn

Kết thúc tháng 3, lãi suất trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 5 năm nằm trong khoảng 1,06 – 1,1%/năm, kỳ hạn 7 năm nằm trong khoảng 1,45 – 1,46%/năm, kỳ hạn 10 năm nằm trong khoảng 2,22 – 2,3%/năm, kỳ hạn 15 năm nằm trong khoảng 2,45 – 2,5%/năm, kỳ hạn 20 năm là 2,89%/năm, kỳ hạn 30 năm là 3,05%/năm.

4. Tình hình doanh nghiệp

Số doanh nghiệp tham gia thị trường

Trong quý I/2021, cả nước có 29.300 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 447,8 nghìn tỷ đồng, giảm 1,4% về số doanh nghiệp và tăng 27,5% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 15,3 tỷ đồng, tăng 29,2%. Nếu tính cả 525,3 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm thì nâng tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong quý I/2021 là 973,1 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, trong quý I/2021 cũng có 14.738 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp thành lập mới trong quý I (2018-2021)**Vốn đăng ký kinh doanh trong quý I (2018-2021)**

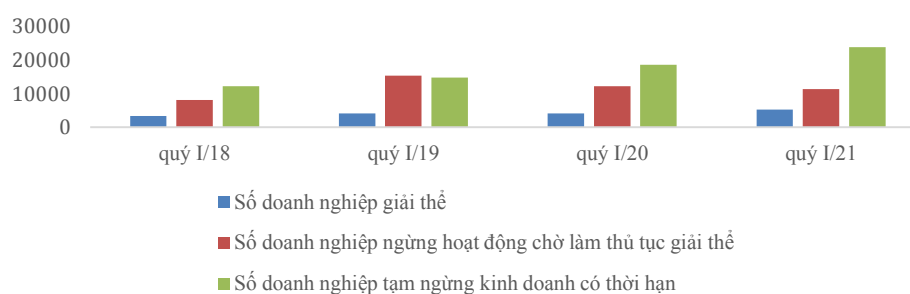
Nguồn: TCTK

Trong quý I/2021, có 472 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm trước; có 8.144 doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 0,4%; có 20.684 doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, giảm 2,3%. Các doanh nghiệp thành lập mới tiếp tục gia tăng ở các lĩnh vực kinh doanh bất động sản; sản xuất phân phối điện, nước, gas; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; khai khoáng; vận tải kho bãi; công nghiệp chế biến, chế tạo; giáo dục và đào tạo với mức tăng giao động từ 0,1 – 27,1%. Bên cạnh đó, có 8 lĩnh vực có số doanh nghiệp thành lập mới giảm so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: dịch vụ lưu trú ăn uống; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác; thông tin và truyền thông; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác; nghệ thuật, vui chơi giải trí; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; xây dựng; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy với mức giảm dao động từ 1,9 – 18%.

Số doanh nghiệp giải thể, ngừng đăng ký và tạm ngừng đăng ký kinh doanh

Trong quý I/2021, có 23.837 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn (tăng 28,2%), 11.283 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể (giảm 7,3%), 5.203 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (tăng 26,4%), trong đó có 4.700 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, tăng 27,6%; 49 doanh nghiệp có quy mô vốn trên 100 tỷ đồng, giảm 21%.

Các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy; công nghiệp chế biến, chế tạo; xây dựng; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác; dịch vụ lưu trú và ăn uống; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng, các dịch vụ hỗ trợ khác; vận tải, kho bãi; kinh doanh bất động sản; giáo dục, đào tạo; thông tin truyền thông; sản xuất phân phối điện, nước, gas.

Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong quý I (2018-2021)

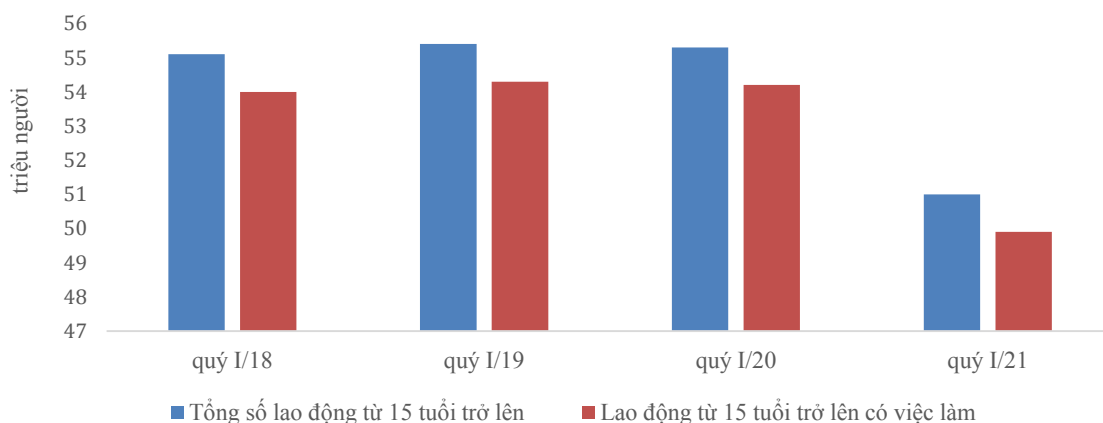
Nguồn: TCTK

5. Tình hình lao động việc làm

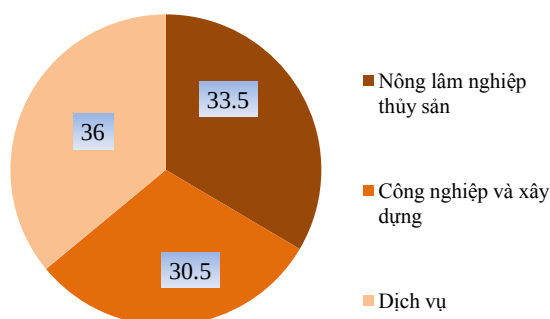
Trong quý I/2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ước tính là 51 triệu người, giảm 180,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý I/2021 ước tính là 49,9 triệu người, bao gồm 14,1 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng 16,1 triệu người, giảm 2,6%; khu vực dịch vụ 19,7 triệu người, tăng 1%.

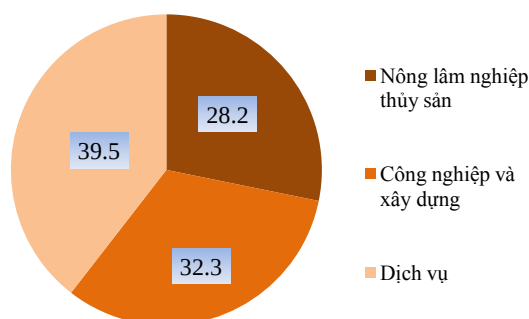
Tình hình lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I (2018-2021)



Tỷ trọng lao động trên 15 tuổi có việc làm phân theo khu vực quý I/20 (%)



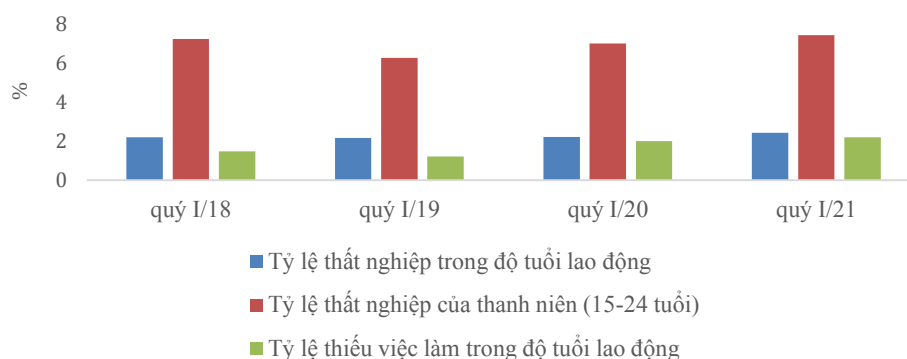
Tỷ trọng lao động trên 15 tuổi có việc làm phân theo khu vực quý I/21 (%)



Nguồn: TCTK

Ngoài ra, tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước trong quý I/2021 ước tính là 2,19%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 2,96%; khu vực nông thôn là 1,76%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,42%, trong đó khu vực thành thị là 3,19%; khu vực nông thôn là 1,98%; Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) ước tính là 7,44%, trong đó khu vực thành thị là 10,34% và khu vực nông thôn là 5,99%. Bên cạnh đó, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ước tính là 2,2%, trong đó khu vực thành thị là 1,52%; khu vực nông thôn là 2,6%.

Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động trong quý I (2018-2021)



Nguồn: TCTK

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 3 năm 2021

Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 9/3/2021 phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money)

Theo đó, đối tượng thực hiện thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ là doanh nghiệp có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử và Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc là công ty con được Công ty mẹ có Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện cho phép sử dụng hạ tầng, mạng lưới, dữ liệu viễn thông.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile-Money để sử dụng cho các nghiệp vụ sau: Nạp tiền vào tài khoản Mobile-Money tại các điểm kinh doanh; Nạp tiền vào tài khoản Mobile-Money từ tài khoản thanh toán của khách hàng; Rút tiền mặt từ tài khoản Mobile-Money tại các điểm kinh doanh; Chuyển tiền giữa các tài khoản Mobile-Money của khách hàng trong cùng hệ thống của doanh nghiệp thí điểm;...

Ngoài ra, việc triển khai thí điểm áp dụng trên phạm vi toàn quốc, trong đó doanh nghiệp thực hiện thí điểm phải ưu tiên triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money tại các địa bàn thuộc khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo Việt Nam. Thời gian thực hiện thí điểm 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đầu tiên thực hiện thí điểm được chấp thuận.

Quyết định 397/QĐ-NHNN ngày 22/3/2021 phê duyệt Nhóm các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có tầm quan trọng hệ thống năm 2021

Theo đó, có 17 ngân hàng thuộc nhóm các tổ chức tín dụng có tầm quan trọng hệ thống năm 2021, gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank); Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB); Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank); Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank); Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV); Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á (SeaBank); Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam (MSB); Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank); Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank); Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBank); Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội (MBBank); Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế (VIB); Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB); Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB); Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank); Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong (TPBank); Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank).

Ngân hàng Nhà nước yêu cầu cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo dõi, giám sát chặt chẽ, cảnh báo kịp thời các nguy cơ rủi ro trong hoạt động của 17 tổ chức tín dụng nêu trên để ngăn ngừa rủi ro có tính trọng yếu, rủi ro mang tính hệ thống.

Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Theo đó, mệnh giá của giấy tờ có giá là 100.000 đồng Việt Nam hoặc bội số của 100.000 đồng Việt Nam. Mệnh giá của giấy tờ có giá (trừ trái phiếu) phát hành theo hình thức chứng chỉ được in sẵn hoặc theo thỏa thuận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành với người mua. Mệnh giá của trái phiếu phát hành theo hình thức chứng chỉ sẽ được in sẵn trên trái phiếu.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định rõ kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi phát hành theo hình thức chứng chỉ hoặc chứng nhận quyền sở hữu kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi phải gồm các nội dung sau: Tên tổ chức phát hành, tên gọi kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi; Ký hiệu, số sê-ri phát hành; Mệnh giá, thời hạn, ngày phát hành, ngày đến hạn thanh toán...

Thông tư 02/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối

Theo quy định loại hình giao dịch ngoại tệ bao gồm: giao dịch mua, bán ngoại tệ giao ngay; giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn; giao dịch hoán đổi ngoại tệ; giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ.

Tổ chức tín dụng được phép thực hiện giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi, giao dịch quyền chọn với tổ chức tín dụng được phép khác. Với tổ chức khác và cá nhân, tổ chức tín dụng được phép thực hiện giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn. Với người không cư trú, tổ chức tín dụng được phép thực hiện giao dịch giao ngay.

Tổ chức tín dụng được phép phải quy định các loại ngoại tệ giao dịch tại tổ chức tín dụng và niêm yết tỷ giá giao ngay giữa đồng VN và các ngoại tệ trong giao dịch với khách hàng ngay tại các địa điểm giao dịch và trên trang thông tin điện tử.

Kỳ hạn của giao dịch kỳ hạn, giao dịch kỳ hạn trong giao dịch hoán đổi, giao dịch quyền chọn do các bên thỏa thuận. Trừ trường hợp kỳ hạn của giao dịch kỳ hạn, giao dịch kỳ hạn trong giao dịch hoán đổi giữa Đồng VN và ngoại tệ tối đa là 365 ngày kể từ ngày giao dịch. Đáng lưu ý, tổ chức tín dụng được phép không được thu phí giao dịch đối với giao dịch ngoại tệ.

Công văn số 1370/NHNN-TD ngày 5/3/2021 yêu cầu các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố triển khai các biện pháp tăng cường phòng, chống và tháo gỡ khó khăn do tác động của dịch

Theo đó, NHNN yêu cầu các tổ chức tín dụng tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, phí, cho vay mới... theo thẩm quyền và theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13-3-2020; Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21-1-2013...

Lãi suất huy động tiếp tục giảm, tập trung ở khối NHTM CP

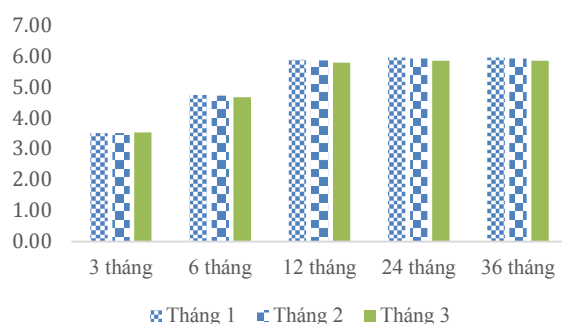
Lãi suất huy động của các NHTM tiếp tục giảm và diễn ra chủ yếu ở khối NHTM CP để đảm bảo phù hợp với mặt bằng lãi suất chung của hệ thống. Tính chung trong 3 tháng đầu năm, lãi suất đã duy trì được xu hướng giảm liên tục trong cả khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước và NHTM CP.

Tính đến cuối tháng 3, lãi suất huy động bình quân trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước (không bao gồm 03 ngân hàng TNHH MTV) đã giảm khoảng 0,025 điểm phần trăm đối với tất cả các kỳ hạn huy động. Trong đó, diễn biến giảm của lãi suất huy động là do Vietcombank điều chỉnh giảm lãi suất huy động ở tất cả kỳ hạn vào tháng 1/2021. Đồng thời, Vietcombank cũng là ngân hàng có mức lãi suất huy động thấp nhất trong hệ thống trên tất cả các kỳ hạn huy động. Kết thúc quý I, lãi suất huy động kỳ hạn 3 – 6 tháng trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước (không bao gồm 03 ngân hàng TNHH MTV) giao dịch trong khoảng 3,2 – 4%/năm; kỳ hạn huy động từ 12 tháng trở lên trong khoảng 5,3 – 5,6%/năm.

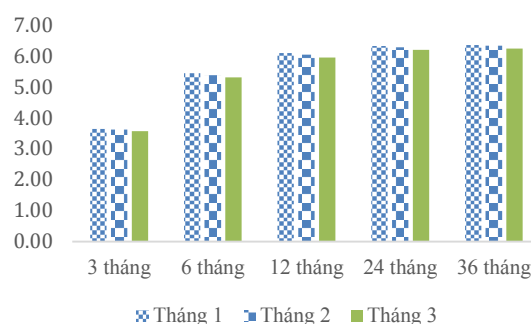
Lãi suất huy động bình quân trong khối NHTM CP đã giảm liên tục qua các

tháng ở tất cả các kỳ hạn huy động. Theo đó, lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 3 tháng đã giảm khoảng 0,11 điểm phần trăm so với cuối năm 2020; giảm 0,23 điểm phần trăm đối với kỳ hạn huy động 6 tháng và từ 0,23 – 0,3 điểm phần trăm đối với kỳ hạn huy động từ 12 tháng trở lên. Bên cạnh đó, một số ngân hàng cũng có điều chỉnh tăng nhẹ lãi suất huy động trong tháng 2, tháng 3, chủ yếu ở các kỳ hạn dài song diễn biến này chỉ mang tính cục bộ. Kết thúc tháng 3, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng giao động trong khoảng 2,7 – 4%/năm; kỳ hạn huy động 6 tháng là 4,1 – 6%/năm; kỳ hạn huy động 12 tháng trở lên trong khoảng 5,1 – 6,9%/năm.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần (%)



Nguồn: tổng hợp

Lãi suất cho vay nền kinh tế tiếp tục duy trì xu hướng ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm.

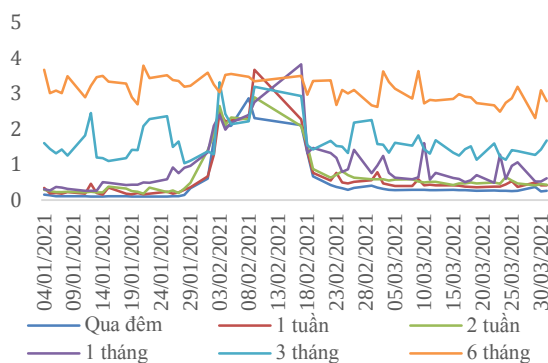
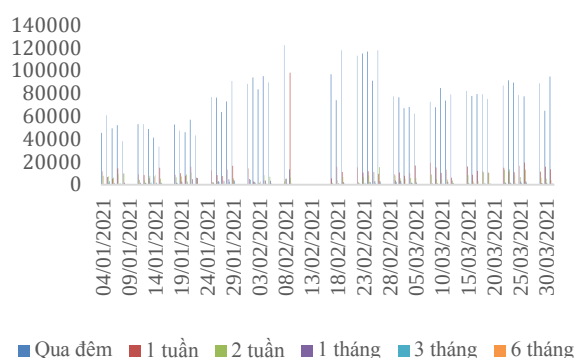
Bên cạnh đó, lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3 – 6%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3 – 4,5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,2 – 6%/năm.

Lãi suất liên ngân hàng tăng ở kỳ hạn ngắn

Trong quý I/2021, lãi suất liên ngân hàng diễn biến khá ổn định, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 1 tháng) đã tăng trong khoảng từ 0,11 – 0,19 điểm % so với tháng 12 /2020 và giảm trong khoảng từ 0,29 – 0,66 điểm % đối với kỳ hạn từ 3 tháng trở lên.

Trong 3 tháng đầu năm, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn đã có diễn biến tăng liên tục trong 2 tháng đầu năm và đồng loạt giảm vào tháng 3 trong khoảng từ 0,08 – 0,8 điểm phần trăm, biến động theo ngày giao dịch ở mức thấp. Bên cạnh đó, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 3 – 6 tháng mặc dù đều giảm trong tháng 3 và giảm so với cuối năm ngoại song mức độ biến động qua các tháng là không giống nhau. Trong đó duy nhất chỉ có lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 6 tháng là duy trì được đà giảm trong cả quý trong khi lãi suất kỳ hạn 3 tháng đã có 02 tháng giảm và 01 tháng tăng và kỳ hạn 12 tháng có diễn biến ngược lại, ghi nhận mức giảm mạnh là 1,24 điểm phần trăm vào tháng 3/2021.

Kết thúc quý I, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn ngắn (qua đêm, 1 tuần, 2 tuần) giao dịch lần lượt ở mức 0,26%/năm; 0,41%/năm; 0,43%/năm và kỳ hạn từ 1 tháng trở lên giao dịch lần lượt ở mức 0,61%/năm; 1,67%/năm; 2,78%/năm và 2,79%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng**Doanh số giao dịch liên ngân hàng**

Nguồn: NHNN

Tỷ giá trung tâm diễn biến phù hợp

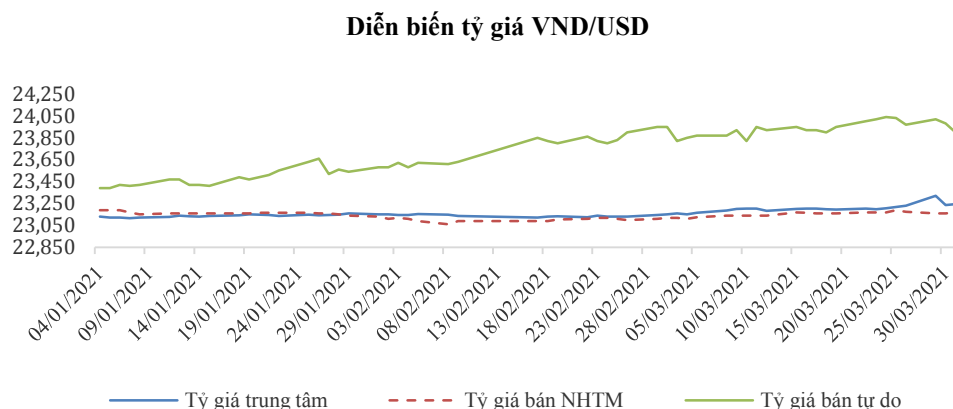
Tỷ giá trung tâm đã có diễn biến phù hợp với thực trạng cung cầu của thị trường ngoại hối trong nước và diễn biến của đồng USD trên thị trường quốc tế. Theo đó, tỷ giá trung tâm đã có 01 tháng giảm (tháng 2) và 02 tháng tăng. Tỷ giá trung tâm cũng tăng mạnh 0,49% vào tháng 3, đồng thời đó cũng là mức tăng của tỷ giá trung tâm trong quý I so với cuối năm 2020. Tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng giảm phổ biến trong khoảng 0,01 – 0,04%/ngày giao dịch, tương ứng là 3 – 10 đồng. Tuy nhiên, trong tháng 3/2021 cũng đã xuất hiện 02 ngày giao dịch cuối tháng có mức độ điều chỉnh mạnh nhất đó là giảm 0,36% vào ngày 30/3 và tăng 0,39% vào ngày 29/3, tương ứng khoảng 84 – 91 đồng. Bên cạnh đó, diễn biến của tỷ giá bán trên Sở giao dịch của NHNN tăng 0,49% - đúng bằng mức tăng của tỷ giá trung tâm. Kết thúc tháng 3/2021, tỷ giá trung tâm ở mức 23.244 USD/VND; tỷ giá bán tham khảo trên Sở giao dịch của NHNN - 23.891 USD/VND.

Tỷ giá giao dịch trên thị trường đã có diễn biến trái chiều

Trong quý I, tỷ giá giao dịch tại các NHTM tiếp tục kéo dài xu hướng giảm từ cuối năm ngoái thêm 02 tháng và bắt đầu tăng trong tháng 3. Kết thúc quý, tỷ giá giao dịch của Vietcombank và Eximbank đã giảm lần lượt là 0,19% và 0,09% so với cuối năm 2020 – diễn biến trái chiều so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ giá giao dịch tại các NHTM khảo sát phần lớn là giảm trong 2 tháng đầu năm và cùng tăng vào tháng 3/2021, trong khoảng từ 0,3 – 0,31% đối với cả tỷ giá mua và tỷ giá bán. Mặc dù vậy trong tháng 3, tỷ giá giao dịch của các NHTM khảo sát vẫn có nhiều ngày giao dịch đi ngang và hiện đang thấp hơn tỷ giá trung tâm. Tính đến cuối quý I, tỷ giá giao dịch tại thời điểm khảo sát tại Vietcombank ở mức 22.990 – 23.170 USD/VND (mua vào – bán ra), Eximbank ở mức 23.000 – 23.160 USD/VND (mua vào – bán ra).

Trong khi đó, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do đã tăng liên tục qua các tháng tuy nhiên tốc độ tăng đã hạ nhiệt trong tháng 3. Kết thúc quý I, tỷ giá mua – bán trên thị trường tự do dựa trên số liệu khảo sát đều tăng hơn 2%. Diễn biến này cũng giống như quý I/2020 tuy nhiên mức biến động vẫn thấp hơn khoảng 0,5 – 0,6 điểm phần trăm. Theo số liệu khảo sát, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do biến động tăng cao nhất theo ngày giao dịch là 0,93% và thấp nhất là 0,04%. Do có diễn biến trái chiều nên chênh lệch tỷ giá giao dịch tại các NHTM và thị trường tự do luôn có khoảng cách, mức chênh lệch liên tục được duy trì ở ngưỡng cao từ 700 – 860 đồng trong suốt tháng 3. Kết thúc tháng 3, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do tại thời điểm khảo sát giao dịch ở mức 23.800 – 23.902

USD/VND (mua vào – bán ra).

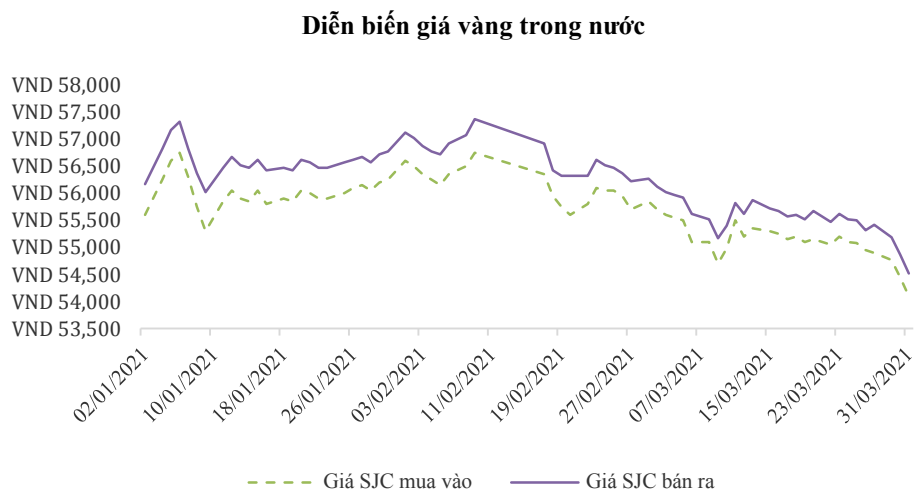


Nguồn: NHNN

Giá vàng đã giảm nhưng thấp hơn rất nhiều so với mức giảm của giá vàng quốc tế

Trong quý I, giá vàng SJC giao dịch theo số liệu tổng hợp đã giảm 2,58 – 2,84% (mua vào – bán ra) - diễn biến cùng chiều với giá vàng quốc tế nhưng tốc độ giảm của giá vàng trong nước thấp hơn nhiều so với giá vàng quốc tế. Trong quý, giá vàng SJC giữ được đà tăng trong tháng 1 và giảm trong 2 tháng tiếp theo, giảm mạnh trong tháng 3 xoay quanh mức 3% theo số liệu khảo sát. Bên cạnh đà giảm của giá vàng thế giới, các yếu tố mùa vụ cũng có tác động tới giá vàng nhưng thường xuất hiện trong ngắn hạn với mức độ biến động không nhiều. Các mức giá cao được thiết lập từ năm ngoái đã không xuất hiện trong giao dịch của tháng 3, thậm chí đến 02 ngày giao dịch cuối tháng mức giá giao dịch của vàng SJC cả 2 chiều (mua vào – bán ra) tại thời điểm khảo sát đều tuột khỏi ngưỡng giá phổ biến trên 55 triệu đồng/lượng xuống còn 54,10 – 54,52 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra).

Trong 3 tháng giao dịch, do mức độ giảm của giá vàng trong nước thấp hơn thế giới, đặc biệt là tốc độ giảm trong tháng 2 do tâm lý thận trọng của cả bên bán và bên mua trước xu hướng chưa ổn định của giá vàng thế giới nên chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế liên tục xác lập các mức cao mới, duy trì phổ biến 6 – hơn 7 triệu đồng/lượng trong tháng 3, thậm chí có nhiều thời điểm trong trong quý, chênh lệch này đã vượt 8 triệu đồng/lượng. Mức chênh lệch hiện tại đã lớn hơn khoảng 2 lần so với cùng thời điểm của năm ngoái.



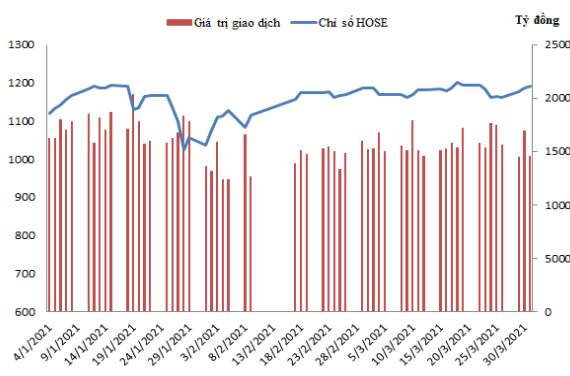
Nguồn: sjc.com.vn

**Thị trường
chứng khoán
Việt Nam tiếp
tục tăng điểm**

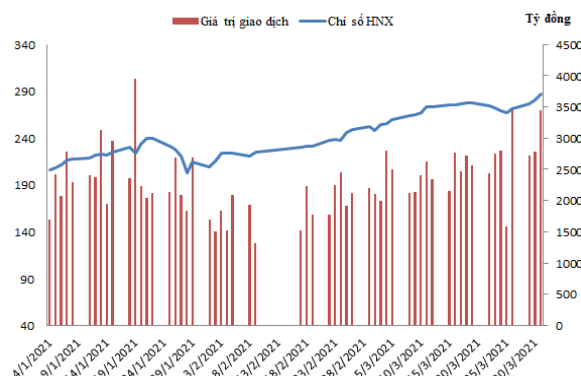
Thị trường chứng khoán Việt Nam trong quý I/2021 tăng điểm tích cực ở cả 3 chỉ số chính nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô thuận lợi, kết quả kinh doanh quý I tăng trưởng mạnh ở nhiều doanh nghiệp niêm yết và diễn biến tích cực của giá chứng khoán thế giới. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 3, VN-Index ở mức 1.191,44 điểm, tăng 7,93% với cuối năm 2020, chỉ số HNX-Index đạt mức 286,67 điểm, tăng tới 41,13% và chỉ số UPCoM-Index ở mức 81,41 điểm, tăng 9,35%. Nhiều cổ phiếu đạt mức tăng rất mạnh trong quý I như RGC (409%), L45 (365%), RIC (311%), SHP (281%) và VNH (278%)...

Trong 3 tháng đầu năm, chỉ số VN-Index giảm 4,28% trong tháng 1 với nhiều phiên lao dốc mạnh¹⁰, sau đó nhanh chóng hồi phục 10,59% trong tháng 2 và tăng nhẹ 1,97% trong tháng 3. Đáng chú ý, chỉ số VN-Index đã có 3 lần chạm mốc 1.200 điểm trong tháng 3 nhưng vẫn chưa thể chính thức chinh phục được ngưỡng tâm lý quan trọng này. Dòng tiền từ các nhà đầu tư nội tiếp tục là động lực quan trọng giúp thị trường tăng điểm trước áp lực bán rông mạnh mẽ của khối ngoại.

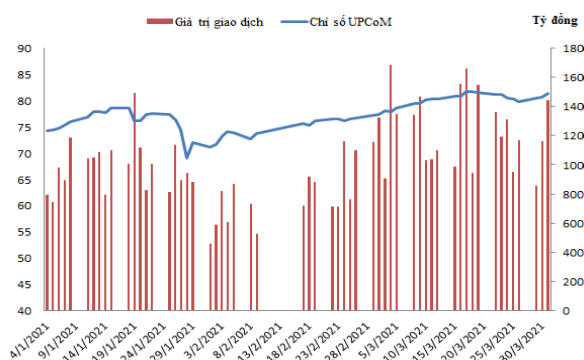
Diễn biến chỉ số HOSE quý I/2021



Diễn biến chỉ số HNX quý I/2021



Diễn biến chỉ số UPCOM quý I/2021



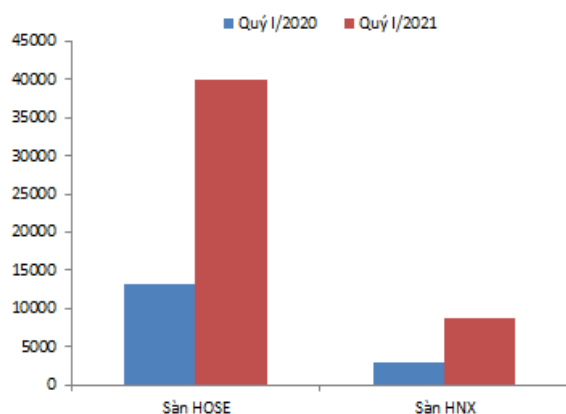
Nguồn: stockbiz.vn

Cùng với sự tăng trưởng tích cực về điểm số, thanh khoản thị trường quý I/2021 tăng trưởng ấn tượng so với cùng kỳ năm 2020 với nhiều phiên giao dịch trên 15.000 tỷ đồng. Trên sàn HOSE, khối lượng giao dịch đạt 40 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch đạt 923,86 nghìn tỷ đồng, lần lượt tăng 201,61% và 284,2% so với quý I/2020. Trên sàn HNX, khối lượng giao dịch đạt 8,71 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch đạt 134,05 nghìn tỷ đồng, lần lượt tăng 202,37% và 338,11% so với

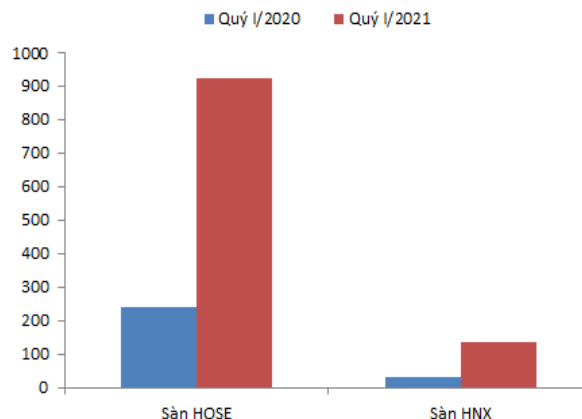
¹⁰ Chỉ số VN-Index giảm 60,94 điểm, tương ứng 5,11% ngày 19/1 và giảm tới 73,23 điểm, tương ứng 6,67% ngày 28/1 – mức giảm mạnh nhất lịch sử giao dịch chứng khoán Việt Nam.

quý I/2020. Tính chung trên cả 2 sàn, tổng khối lượng giao dịch đạt 48,72 tỷ cổ phiếu và giá trị giao dịch đạt 1.057,91 nghìn tỷ đồng, lần lượt tăng 201,75% và 290,28% so với cùng kỳ năm 2020. Top 5 cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất gồm: STC, FLC, ROS, HPG, HQC. Thanh khoản thị trường tăng đột biến trong nhiều phiên giao dịch thậm chí còn gây ra hiện tượng nghẽn lệnh thường xuyên trên sàn HOSE.

Khối lượng giao dịch quý I/2020 và quý I/2021



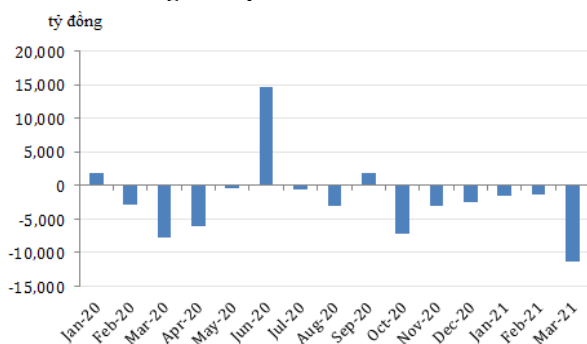
Giá trị giao dịch quý I/2020 và quý I/2021



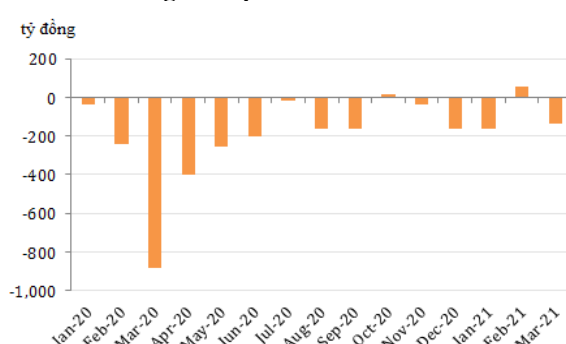
Nguồn: stockbiz.vn

Trong quý I/2021, khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh bán ròng với tổng giá trị 14.463,21 tỷ đồng, đánh dấu quý bán ròng thứ 3 liên tiếp. Trên sàn HOSE, khối ngoại bán ròng trong 3 tháng liên tiếp, đạt 14.217,14 tỷ đồng, đặc biệt trong tháng cuối quý, khối ngoại bán ròng kỷ lục lên tới 11.299,26 tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại đã bán ròng 246,07 tỷ đồng với 02 tháng bán ròng và 01 tháng mua ròng. Trong cả quý, khối ngoại tập trung bán ròng mạnh các cổ phiếu thuộc nhóm bluechip, đứng đầu là VNM với 4.100 tỷ đồng, tiếp sau là HPG với 4.070 tỷ đồng và CTG với 2.800 tỷ đồng. Các mã POW, VCB, MSB và SSI cũng bị bán ròng mạnh trên 1.000 tỷ đồng.

Khối ngoại mua bán ròng trên HOSE giai đoạn 1/2020 - 3/2021



Khối ngoại mua bán ròng trên HNX giai đoạn 1/2020 - 3/2021

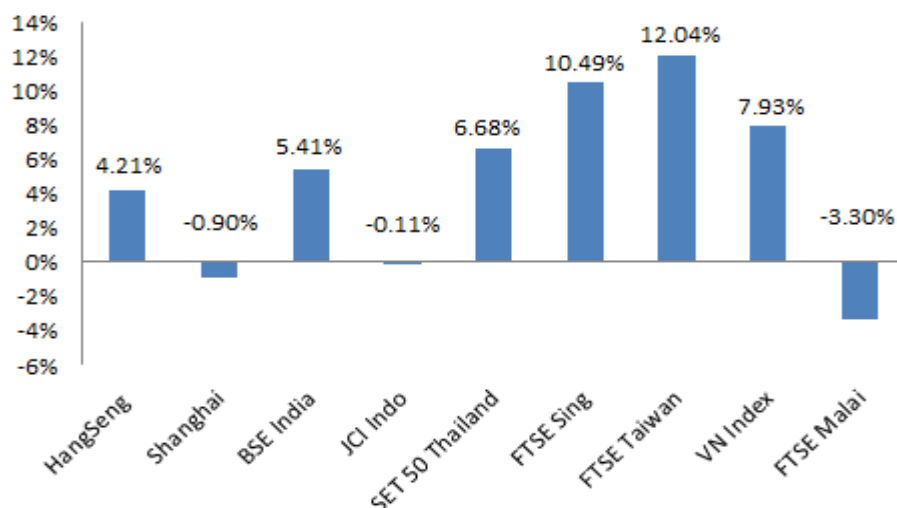


Nguồn: stockbiz.vn

Tính đến hết ngày 31/3/2021, giá trị vốn hóa thị trường trên sàn HOSE đạt hơn 4,46 triệu tỷ đồng, trên sàn HNX đạt 338,1 nghìn tỷ đồng và trên sàn UPCOM đạt 1,08 nghìn tỷ đồng.

Với diễn biến tích cực trong quý I/2021, thị trường chứng khoán Việt Nam là thị trường có mức tăng trưởng cao đứng thứ 3 trong khu vực.

Mức biến động của một số chỉ số chủ chốt trong khu vực Châu Á quý I/2021



Nguồn: Bloomberg

Kinh tế Việt Nam và các vấn đề đặt ra

Kinh tế quý I/2021 đã khởi đầu tích cực, diễn biến tốt hơn so với cùng kỳ năm ngoái trên tất cả các cấu phần kinh tế quan trọng mặc dù vẫn phải đối mặt với sự bùng phát trở lại của dịch bệnh trong tháng 1/2021. Sau 3 tháng, khu vực công nghiệp và xây dựng vẫn đảm bảo được vai trò dẫn dắt; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã diễn biến thuận lợi trở lại; thương mại và tiêu dùng ổn định; vốn đầu tư toàn xã hội tiếp tục gia tăng, đáng chú ý là vốn đầu tư từ khu vực nước ngoài và tư nhân đã tăng trở lại; hoạt động xuất nhập khẩu diễn biến tích cực, cán cân thương mại tiếp tục thặng dư; niềm tin kinh doanh gia tăng¹¹, môi trường kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; dịch bệnh được kiểm soát... Bên cạnh đó, trong bối cảnh phục hồi của kinh tế toàn cầu, đặc biệt là tại các nước và khu vực kinh tế lớn, nhiều tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước đều cho rằng cơ hội của Việt Nam trong thời gian tới là rất lớn, đặc biệt khi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: Hiệp định EVFTA, UKVFTA và RCEP có hiệu lực.

Trên cơ sở đó, việc thực hiện được mục tiêu tăng trưởng trong quý tới, dự kiến đạt 7,11% và cả năm là 6,5% là tương đối lạc quan. Các doanh nghiệp trong nền kinh tế kỳ vọng tăng trưởng trong quý II sẽ tốt hơn so với quý I/2021, cụ thể theo kết quả khảo sát của Tổng cục thống kê cho thấy có 85,1% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng tốt lên và ổn định, trong đó: 51% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên và 34,1% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định. Có 14,9% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn so với quý I/2021. Mặc dù vậy, trong bối cảnh hiện nay, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với một số thách thức lớn như sau:

- Diễn biến của dịch Covid-19 trên toàn cầu cũng như khả năng tái bùng phát dịch bệnh: thực tế này vẫn là một thách thức lớn nhất của Việt Nam trong thời gian tới, tạo áp lực lên khả năng chống chịu nền kinh tế và giới hạn chính sách

¹¹ Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý I/2021 cho thấy: Có 68,6% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh Quý I/2021 tốt hơn và ổn định so với Quý IV/2020, trong đó: 29,6% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn; 39% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định. Có 31,4% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn so với quý IV/2020

hỗ trợ của Chính phủ và của các cơ quan quản lý Nhà nước; gia tăng thêm khó khăn cho khu vực sản xuất, khu vực doanh nghiệp và các ngành kinh tế quan trọng đã bị ảnh hưởng mạnh từ đại dịch như du lịch, hàng không, vận tải...

- Lạm phát gia tăng trở lại: mặc dù diễn biến của lạm phát trong quý I vẫn ở mức thấp tuy nhiên áp lực lạm phát đang gia tăng trên toàn cầu, đặc biệt khi chỉ số giá cả hàng hóa tăng liên tục do nhu cầu tăng trở lại trong khi các chuỗi cung ứng chưa thể phục hồi. Bên cạnh đó, triển vọng kinh tế trong những tháng tới không giống như tình trạng giãn cách của cùng kỳ năm ngoái dẫn đến tiêu dùng và chỉ số giá cả tiêu dùng giảm nên việc lạm phát sẽ tăng mạnh hơn so với cùng kỳ là một thực tế khó tránh khỏi và cần được kiểm soát chặt chẽ.

- Diễn biến tăng trưởng nhanh của thị trường chứng khoán trong và ngoài nước: thực tế này hiện đang diễn ra và có thể làm cho nền kinh tế phải đối mặt với việc dòng vốn nước ngoài bị rút mạnh ra khỏi thị trường sau khi nhà đầu tư chốt lời, điều đó sẽ ảnh hưởng tới cung - cầu ngoại tệ trong nền kinh tế, tạo áp lực mang tính thời điểm cho công tác điều hành tỷ giá, lãi suất hướng tới sự ổn định, đặc biệt trong bối cảnh đồng USD đang có xu hướng gia tăng liên tục trên thị trường. Bên cạnh đó, sức nóng của thị trường chứng khoán cũng làm gia tăng tính đầu cơ của dòng vốn.